

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

Sinh viên: Đặng Ngọc Uyên

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH
DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
HEZCON**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Ngọc Uyên

Giảng viên hướng dẫn: TS. Nguyễn Thị Hoàng Đan

HẢI PHÒNG – 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đặng Ngọc Uyên

Mã SV: 2212402004

Lớp: QT2601N

Ngành: Quản trị doanh nghiệp

Tên đề tài: Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây dựng nói riêng.
- Giới thiệu khái quát về quá trình hình thành, phát triển, cơ cấu tổ chức và đặc điểm hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon.
- Phân tích tình hình tài sản, nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2022–2024, nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lời.
- Đánh giá chung về thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty: những mặt đạt được, những tồn tại và nguyên nhân.
- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon trong thời gian tới.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Báo cáo tài chính các năm 2022, 2023 và 2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon (gồm: Báo cáo tình hình tài chính, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ).
- Các tài liệu nội bộ của công ty: báo cáo thống kê, cơ cấu tổ chức, quy trình sản xuất – thi công, báo cáo nhân sự.
- Văn bản, nghị định, thông tư của Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực xây dựng và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tài liệu tham khảo, giáo trình và công trình nghiên cứu có liên quan đến phân tích hoạt động kinh doanh và tài chính doanh nghiệp.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Hoàng Đan

Học hàm, học vị : Tiến sĩ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 06 tháng 10 năm 2025

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 27 tháng 12 năm 2025

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

XÁC NHẬN CỦA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: *Nguyễn Thị Hoàng Đan*

Đơn vị công tác: *Đại học Quản lý và công nghệ Hải Phòng*

Họ và tên sinh viên: *Đặng Ngọc Uyên* Chuyên ngành: *Quản trị Doanh nghiệp*

Đề tài tốt nghiệp: *Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon*

Nội dung hướng dẫn:

.....

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

.....
.....
.....
.....

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	iii
LỜI CẢM ƠN	iv
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC BẢNG.....	vi
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	vii
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP	6
1.1. Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh.	6
1.1.1. Khái niệm của phân tích hoạt động kinh doanh.....	6
1.1.2. Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh.....	6
1.1.3. Vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh.	7
1.2. Nội dung phân tích cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.	8
1.3. Tiêu chí đánh giá Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh	8
1.3.1. Nhóm chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản và nguồn vốn.....	9
1.3.2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận.....	10
1.3.3. Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán.....	11
1.3.4. Nhóm chỉ tiêu phi tài chính (bổ trợ cho ngành xây dựng).....	18
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng của Phân tích tình hình hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	18
1.4. Các yếu tố tác động đến tình hình tài chính.....	18
1.4.1. Các yếu tố bên trong doanh nghiệp (yếu tố chủ quan)	18
1.4.2. Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp (yếu tố khách quan)	19
CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HEZCON.....	21
2.1. Giới thiệu về tổ chức Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	21
2.1.1. Khái quát về Công ty cổ phần xây dựng Henzon	21
2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	22
2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.	25

2.2.1. Đánh giá khái quát tình hình Công ty cổ phần xây dựng Hezcon Biên động của tài sản, nguồn vốn.....	25
2.2.2. Phân tích môi trường vĩ mô (PESTLE) ảnh hưởng đến Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.....	27
2.2.3. Phân tích môi trường vi mô (Mô hình 5 áp lực cạnh tranh của Porter) ảnh hưởng đến Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.	30
2.2.4. Phân tích xu hướng và cơ cấu doanh thu theo từng hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.	32
2.2.5. Phân tích chi phí và cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	33
2.2.6. Phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	38
2.3. Phân tích các tỷ suất hiệu quả kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.....	39
2.4. Phân tích tình hình tài chính trọng tâm của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.....	43
2.4.1. Vòng quay hàng tồn kho	49
2.4.2. Kỳ thu tiền bình quân (Hiệu quả sử dụng tài sản)	51
2.4.3. Biên lợi nhuận	52
2.4.4. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định	54
2.4.5. Cơ cấu vốn.....	56
2.5. Các ưu điểm và hạn chế của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	58
2.6. Những nguyên nhân dẫn đến những ưu điểm và hạn chế của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	59
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HEZCON	60
3.1. Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty trong thời gian tới.....	60
3.2. Một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.....	61
3.2.1. Nâng cao khả năng thanh toán	61
3.2.2. Nâng cao khả năng quản lý tài sản.....	63
3.2.3. Nâng cao khả năng sinh lời	65
3.2.4. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý tài chính tại Công ty.....	66
KẾT LUẬN	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO	69

LỜI CAM ĐOAN

Em xin cam đoan rằng, luận văn với đề tài: *"Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon"* là công trình nghiên cứu do chính em thực hiện dưới sự hướng dẫn của Cô Nguyễn Thị Hoàng Đan.

Các số liệu, thông tin, tài liệu được sử dụng trong luận văn đều được trích dẫn rõ ràng và có nguồn gốc đáng tin cậy. Những kết quả phân tích và nhận định trong luận văn là trung thực, không sao chép hoặc vi phạm quy định về đạo đức nghiên cứu và học thuật. Em xin được hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung của luận văn này.

Em xin cam đoan rằng luận văn chưa từng được sử dụng để bảo vệ ở bất kỳ cơ sở đào tạo nào khác trước đây. Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2025

SINH VIÊN THỰC HIỆN

Đặng Ngọc Uyên

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Thầy, Cô trong Khoa Kinh tế, Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng, những người đã truyền đạt cho chúng em những kiến thức quý báu trong suốt hơn 3 năm quá trình học tập tại Mái trường. Những kiến thức ấy là nền tảng quan trọng giúp nhóm em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon”.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Cô Nguyễn Thị Hoàng Đan - người đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo trong suốt quá trình thực hiện khóa luận. Sự hỗ trợ về chuyên môn và những góp ý quý báu từ Cô đã giúp chúng em định hướng rõ ràng hơn và hoàn thiện tốt hơn đề tài nghiên cứu này.

Dù đã rất nỗ lực, nhưng do hạn chế về kiến thức và thời gian, luận văn của em có thể tồn tại những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của Quý Thầy, Cô để em có thể hoàn thiện hơn trong những nghiên cứu sau này.

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2025

SINH VIÊN

Đặng Ngọc Uyên

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Nguyên nhân
1	TSNH	Tài sản ngắn hạn
2	TSDH	Tài sản dài hạn
3	Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
4	TSCĐ	Tài sản cố định
5	ROS	Tỷ suất lợi nhuận sin lời của doanh thu
6	ROA	Tỷ suất lợi nhuận của tài sản
7	ROE	Tỷ suất lợi nhuận của vốn chủ sở hữu
8	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
9	KNTT nợ NH	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn
10	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analysis)	BA
11	Lợi nhuận trước thuế	LNTT
12	Lợi nhuận sau thuế	LNST

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình nguồn nhân lực của Công ty cổ phần Hezcon	24
Bảng 2.2: Bảng Cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024.....	25
Bảng 2.3: Thực trạng doanh thu của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024.....	32
Bảng 2.4: Bảng phân tích Cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024.....	33
Bảng 2.5: Bảng thực trạng giá vốn của Công ty cổ phần Hezcon năm 2022 – 2024.....	35
Bảng 2.6: Bảng Chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024.....	36
Bảng 2.7: Bảng phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024.....	38
Bảng 2.8: Bảng các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời	39
Bảng 2.9: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Henzon.....	43
Bảng 2.10: Bảng phân tích sự biến động dòng tiền của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	45
Bảng 2.11: Bảng phân tích hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	47
Bảng 2.12: Hệ số thanh toán nhanh	48
Bảng 2.13: Bảng kỳ thu tiền bình quân.....	49
Bảng 2.14: Bảng biên lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2023	52
Bảng 2.15: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định.....	54
Bảng 2.16: Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	55
Bảng 2.17: Bảng Phân tích cơ cấu vốn	56

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Hezcon	22
Sơ đồ 1: Sơ đồ phân tích cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	27
Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	34
Sơ đồ 3: Sơ đồ thực trạng giá vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	36
Sơ đồ 4: Sơ đồ chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	37
Sơ đồ 5: Sơ đồ Phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	39
Sơ đồ 6: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	40
Sơ đồ 7: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	41
Sơ đồ 8: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CHS của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	42
Sơ đồ 9: Sơ đồ Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	45
Sơ đồ 10: Sơ đồ Sự biến động của dòng tiền của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	46
Sơ đồ 11: Sơ đồ Hệ số nợ ngắn hạn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	47
Sơ đồ 12: Sơ đồ Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024	49
Sơ đồ 13: Sơ đồ Kỳ thu tiền bình quân của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	50
Sơ đồ 14: Sơ đồ biểu hiện Kỳ thu tiền bình quân của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	52
Sơ đồ 15: Sơ đồ biểu hiện sử dụng TSCĐ của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon	55

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang phát triển mạnh mẽ, lĩnh vực xây dựng cơ bản đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với sự mở rộng của thị trường và các chính sách đầu tư công, doanh nghiệp xây dựng phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, biến động giá vật liệu, thay đổi chính sách thuế và vốn đầu tư, cũng như yêu cầu ngày càng cao về chất lượng công trình và tiến độ thi công.

Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công và đầu tư xây dựng. Trong quá trình hoạt động, công ty đã đạt được một số kết quả nhất định, song vẫn còn gặp nhiều thách thức về hiệu quả sử dụng vốn, cơ cấu chi phí, năng suất lao động, và khả năng sinh lời. Do đó, việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của công ty là hết sức cần thiết nhằm:

- Đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh trong các năm gần đây.
- Xác định những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của công ty.
- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng sức cạnh tranh và khả năng phát triển bền vững trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động sau đại dịch COVID -19, cùng với xu hướng siết chặt đầu tư công và yêu cầu minh bạch tài chính, việc phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp xây dựng như Hezcon không chỉ giúp doanh nghiệp đánh giá đúng thực trạng nội tại, mà còn là cơ sở khoa học để ra quyết định quản lý, hoạch định chiến lược và thu hút nhà đầu tư.

Vì vậy, việc lựa chọn đề tài “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon” là có tính cấp thiết cao, góp phần cung cấp thông tin hữu ích cho cả công ty và người nghiên cứu trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề tài “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon” được thực hiện nhằm đạt được các mục đích sau:

- Phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon trong những năm gần đây, thông qua việc xem xét các chỉ tiêu

phản ánh kết quả kinh doanh như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cơ cấu tài sản – nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn và năng lực tài chính.

- Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty, bao gồm cả các yếu tố chủ quan (nội bộ doanh nghiệp) và khách quan (môi trường kinh tế – xã hội, thị trường xây dựng, chính sách Nhà nước).

- Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong hoạt động sản xuất – kinh doanh của công ty, từ đó nhận diện nguyên nhân của những hạn chế còn tồn tại.

- Đề xuất các giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững cho Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon trong thời gian tới.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài tập trung giải quyết các câu hỏi chính sau:

- Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon trong những năm gần đây diễn ra như thế nào?
 - Doanh thu, lợi nhuận, chi phí và hiệu quả kinh doanh có xu hướng tăng hay giảm?
- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty có hợp lý và hiệu quả hay không?
 - Mức độ tự chủ tài chính và khả năng thanh toán của công ty ra sao?
- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty?
 - Các yếu tố nội tại (quản lý, nhân lực, vốn, chi phí) và bên ngoài (thị trường, chính sách, cạnh tranh) tác động thế nào?
- Những hạn chế, tồn tại trong hoạt động kinh doanh của công ty là gì?
 - Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế đó?
- Công ty cần có những giải pháp nào để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon, bao gồm:

- Các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận).
- Các chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng vốn, tài sản và nguồn vốn.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon.
- Về thời gian: Số liệu và thông tin được thu thập, phân tích trong giai đoạn 2022–2024 (hoặc giai đoạn mà bạn có dữ liệu cụ thể).
- Về nội dung: Đề tài tập trung phân tích tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động kinh doanh, không đi sâu vào các khía cạnh kỹ thuật thi công hay quản lý dự án.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện đề tài “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon”, em đã sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, cụ thể như sau:

- Phương pháp thu thập dữ liệu:

- Dữ liệu thứ cấp: Thu thập từ báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các tài liệu nội bộ của công ty trong giai đoạn 2022–2024.

- Ngoài ra, sử dụng thông tin từ website công ty, báo cáo ngành xây dựng, các văn bản pháp lý và tài liệu tham khảo có liên quan.

- Dữ liệu sơ cấp: Thu thập thông qua trao đổi, phỏng vấn hoặc khảo sát ý kiến của cán bộ, nhân viên trong công ty nhằm hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh.

- Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu:

- Phương pháp so sánh: So sánh giữa các năm (2022–2023–2024) để đánh giá xu hướng biến động của doanh thu, chi phí, lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính.

- Phương pháp tỷ lệ – cơ cấu: Xác định tỷ trọng của từng khoản mục trong tổng tài sản, nguồn vốn và doanh thu để phân tích cơ cấu hoạt động.

- Phương pháp phân tích chỉ số tài chính:

- Phân tích khả năng thanh toán.
- Phân tích hiệu quả sử dụng vốn và tài sản.

- Phương pháp tổng hợp và so sánh ngành: Tổng hợp các kết quả phân tích để rút ra điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) của công ty.

- Phương pháp đánh giá và đề xuất:

- Trên cơ sở kết quả phân tích, tiến hành đánh giá toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon.

- Từ đó, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của công ty trong thời gian tới.

6. Nội dung khóa luận

Chương 1: Cơ sở lý luận về phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

Chương này trình bày những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh và công tác phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh.
- Nội dung cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Các chỉ tiêu chủ yếu dùng để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh (doanh thu, chi phí, lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, v.v.).

- Các phương pháp thường sử dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh (so sánh, tỷ lệ, đồ thị, chỉ số tài chính, v.v.).

Chương 2: Thực trạng tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon

Chương này tập trung phân tích và đánh giá **thực tế hoạt động kinh doanh** của Công ty Hezcon trong giai đoạn 2022–2024, bao gồm:

- Giới thiệu khái quát về Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon (lịch sử hình thành, cơ cấu tổ chức, lĩnh vực hoạt động).
- Phân tích tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty.
- Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh qua các năm.
- Phân tích hiệu quả sử dụng vốn, khả năng thanh toán và khả năng sinh lời.
- Đánh giá chung: điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân của các tồn tại trong hoạt động kinh doanh.

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon

Dựa trên kết quả phân tích ở chương 2, chương này đề xuất các **giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh** của công ty, cụ thể:

- Định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới.

- Các giải pháp về quản trị tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát chi phí.
- Giải pháp về tổ chức sản xuất, nhân lực, marketing và quản lý dự án.
- Một số kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước và đối tác liên quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển bền vững.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm, ý nghĩa và vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh

1.1.1. Khái niệm của phân tích hoạt động kinh doanh

Phân tích hoạt động kinh doanh là việc phân đi sâu vào nghiên cứu theo yêu cầu của hoạt động quản lý kinh doanh căn cứ vào tài liệu hạch toán và các thông tin kinh tế, bằng các phương pháp thích hợp hơn, so sánh số liệu và phân giải nhằm làm rõ chất lượng hoạt động kinh doanh và các nguồn tiềm năng cần được khai thác, trên cơ sở đó để đưa ra các phương án, giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Phân tích hoạt động kinh doanh là công cụ nhận thức cải tiến các hoạt động trong kinh doanh, một cách tự giác và có ý thức phù hợp với điều kiện cụ thể, với các yêu cầu của các quy luật kinh tế khách quan, nhằm đem lại hiệu quả trong kinh doanh cao hơn.

1.1.2. Ý nghĩa của phân tích hoạt động kinh doanh

a. Phân tích hoạt động trong kinh doanh là công cụ để phát triển những khả năng tiềm ẩn trong kinh doanh và còn là công cụ để cải tiến cơ chế quản lý trong kinh doanh.

Bất kỳ hoạt động kinh doanh trong các điều kiện khác nhau như thế nào đi nữa cũng có tiềm ẩn, những khả năng tiềm tàng chưa được phát hiện, chỉ có thông qua phân tích hoạt động doanh nghiệp mới phát hiện được. Từ đó, ta sẽ có cách khai thác để mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, thông qua việc phân tích hoạt động doanh nghiệp ta mới thấy rõ những nguyên nhân và nguồn gốc của các vấn đề phát sinh từ đó có những biện pháp thích hợp để cải tiến trong hoạt động quản lý để mang lại hiệu quả cao hơn.

b. Phân tích hoạt động kinh doanh là cơ sở quan trọng để có thể đưa ra các quyết định kinh doanh.

Thông qua các tài liệu phân tích cho phép các nhà doanh nghiệp nhận thức đúng về khả năng, mặt mạnh mặt yếu của doanh nghiệp mình. Nó là cơ sở để doanh nghiệp đưa ra các quyết định đúng đắn cho các mục tiêu chiến lược kinh doanh. Do đó người ta biết phân tích như một hoạt động thực tiễn, vì phân tích hoạt động kinh doanh luôn đi trước quyết định là cơ sở cho các quyết định kinh doanh. Phân tích hoạt động kinh doanh như một ngành khoa học, nó nghiên cứu

các phương pháp có hệ thống và tìm ra các giải pháp áp dụng chúng vào mỗi doanh nghiệp.

c. Phân tích hoạt động kinh doanh là biện pháp quan trọng để phòng rủi ro trong kinh doanh.

Để hoạt động kinh doanh đạt được hiệu quả mong muốn, doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích hoạt động kinh doanh, dựa trên tài liệu có được, thông qua phân tích doanh nghiệp có thể dự đoán các điều kiện kinh doanh trong thời gian sắp tới, từ đó đề ra các chiến lược kinh doanh thật phù hợp với tình hình.

Ngoài việc phân tích các điều kiện bên trong doanh nghiệp như về tài chính, lao động vật tư, ... doanh nghiệp còn quan tâm phân tích các điều kiện tác động ở bên ngoài như khách hàng, thị trường, đối thủ cạnh tranh ... trên cơ sở phân tích trên doanh nghiệp dự đoán các rủi ro trong kinh doanh có thể xảy ra và có các phương án phòng ngừa trước khi chúng có thể xảy ra.

1.1.3. Vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh

Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analysis - BA) không chỉ là một chức năng hỗ trợ mà còn là một nhân tố chiến lược thiết yếu trong môi trường kinh doanh hiện đại, nơi mà sự thay đổi và nhu cầu cải tiến diễn ra liên tục. Vai trò cốt lõi của BA là cầu nối giữa các bên liên quan, giải quyết khoảng cách giữa nhu cầu kinh doanh thực tế và các giải pháp kỹ thuật, quy trình hoặc tổ chức có thể thực hiện được. Về cơ bản, BA đảm bảo rằng mọi nỗ lực thay đổi trong tổ chức đều hướng đến mục tiêu kinh doanh và tạo ra giá trị tối đa.

Phân tích hoạt động kinh doanh bắt đầu bằng việc thấu hiểu sâu sắc tình hình hiện tại của doanh nghiệp, bao gồm việc phân tích các quy trình vận hành (As-Is), cấu trúc tổ chức, và các hệ thống công nghệ thông tin hiện có. Sự hiểu biết này là nền tảng để nhận diện các vấn đề, tắc nghẽn, và lãng phí đang tồn tại. Thông qua các kỹ thuật thu thập yêu cầu và mô hình hóa quy trình, nhà phân tích kinh doanh xác định được nhu cầu và mục tiêu kinh doanh (To-Be) một cách rõ ràng, giúp nhà quản lý có cái nhìn toàn cảnh và chính xác về nơi doanh nghiệp đang đứng và nơi cần phải đến.

Vai trò quan trọng nhất của BA là hỗ trợ ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu và bằng chứng. Nhà phân tích chuyển đổi các yêu cầu kinh doanh mơ hồ thành các thông số kỹ thuật rõ ràng, có thể đo lường được, giúp đội ngũ kỹ thuật và vận hành triển khai các giải pháp một cách hiệu quả. Bằng cách phân tích chi phí – lợi ích (Cost-Benefit Analysis) và đánh giá tác động của thay đổi, BA

cung cấp cho ban lãnh đạo cơ sở vững chắc để lựa chọn giải pháp tối ưu, từ đó giảm thiểu rủi ro và tăng khả năng thành công của các dự án đầu tư hoặc cải tiến. Đây là bước then chốt giúp doanh nghiệp thoát khỏi việc ra quyết định theo cảm tính, thay vào đó là quản trị theo dữ liệu (Data-Driven Management).

Cuối cùng, Phân tích hoạt động kinh doanh còn đóng vai trò là chủ thể của sự cải tiến liên tục. Sau khi giải pháp được triển khai, nhà phân tích thực hiện đánh giá giải pháp và xác nhận giá trị đã được tạo ra, so sánh kết quả thực tế với mục tiêu ban đầu. Điều này không chỉ là một bước kiểm tra đơn thuần mà còn là cơ chế để ghi nhận bài học kinh nghiệm, điều chỉnh quy trình và tối ưu hóa hiệu suất hoạt động một cách định kỳ. Thông qua việc liên tục theo dõi các chỉ số hiệu suất chính (KPIs) và thu thập phản hồi từ người dùng cuối, BA giúp doanh nghiệp duy trì được lợi thế cạnh tranh bằng cách luôn thích nghi và cải thiện để đáp ứng những thay đổi nhanh chóng của thị trường và nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

1.2. Nội dung phân tích cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp

Nội dung của phân tích hoạt động kinh doanh là đánh giá các quá trình hướng đến kết quả hoạt động kinh doanh, với các hoạt động của các yếu tố ảnh hưởng, nó được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu kinh tế.

Kết quả hoạt động kinh doanh có thể là kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được hoặc kết quả các mục tiêu trong tương lai cần đạt được. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm tổng hợp của cả quá trình hình thành do đó kết quả phải là riêng biệt và trong từng thời gian nhất định.

Quá trình phân tích hoạt động kinh doanh cần định lượng tất cả các chỉ tiêu là kết quả hoạt động kinh doanh và các nhân tố ở những chỉ số xác định cùng với độ biến động chính xác.

1.3. Tiêu chí đánh giá phân tích tình hình hoạt động kinh doanh

Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung thường dựa trên hệ thống các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, phản ánh kết quả, hiệu quả và tiềm lực hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ.

Các nhóm tiêu chí chính bao gồm:

- Phương pháp phân tích cơ cấu:

Việc phân tích cơ cấu tài chính doanh nghiệp được bắt đầu bằng phân tích cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn. Phân tích cơ cấu tài sản là việc xem xét tỷ

trọng của từng loại tài sản chiếm trong tổng tài sản và thông qua đó có thể đánh giá được việc bố trí, phân bổ vốn, trình độ sử dụng vốn của doanh nghiệp có hợp lý hay không. Việc bố trí vốn hợp lý hay không hợp lý sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến việc quản lý, sử dụng vốn cũng như kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích cơ cấu nguồn vốn là việc xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số nguồn vốn cũng như xem xu hướng biến động của từng nguồn vốn qua các thời kỳ.

1.3.1. Nhóm chỉ tiêu phản ánh cơ cấu tài sản và nguồn vốn

- Biến động của tài sản

Toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp tại một thời điểm được phản ánh trên phần tài sản cân đối kế toán. Nó không những thể hiện cơ sở vật chất, tiềm lực kinh tế của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo mà còn có khả năng biểu hiện những dấu hiệu tương lai trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Phân tích tình hình tài sản là phân tích sự biến động của các khoản mục tài sản nhằm giúp người phân tích tìm hiểu: sự thay đổi về giá trị, tỷ trọng của từng loại tài sản qua các thời kỳ; sự thay đổi này bắt nguồn từ những dấu hiệu chủ động hay bị động trong quá trình kinh doanh; có phù hợp với việc nâng cao năng lực kinh tế để phục vụ cho kế hoạch, chiến lược phát triển kinh doanh của doanh nghiệp hay không.

Tỷ trọng của từng bộ phận tài sản trong tổng số tài sản được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ trọng của từng bộ phận nguồn} = \frac{\text{Giá của từng bộ phận nguồn vốn}}{\text{Tổng số nguồn vốn}} \times 100\%$$

vốn trong tổng số nguồn vốn

- Biến động của nguồn vốn

Phân tích biến động nguồn vốn ta dùng bảng cân đối kế toán làm tài liệu phân tích chủ yếu. Việc phân tích này cho phép nắm được tổng quát diễn biến thay đổi của nguồn vốn và sử dụng vốn trong mối quan hệ với vốn bằng tiền của doanh nghiệp. trong một thời kỳ nhất định giữa hai thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Từ đó, giúp doanh nghiệp có thể định hướng cho việc huy động vốn và sử dụng vốn ở thời kỳ tiếp theo.

Để phân tích biến động của nguồn vốn ta so sánh các chỉ tiêu cuối kỳ với đầu kỳ. Sự thay đổi của từng khoản mục là căn cứ xem xét và phản ánh vào một trong hai cột sử dụng vốn hay diễn biến nguồn vốn theo nguyên tắc:

- Sử dụng vốn sẽ tương ứng với tăng tài sản hoặc giảm nguồn vốn.
- Diễn biến nguồn vốn sẽ tương ứng với tăng vốn hoặc giảm tài sản.

Biến động của nguồn vốn được đặt trong mối quan hệ với vốn bằng tiền. Các khoản mục liên quan đến nguồn vốn và sử dụng vốn được sắp xếp theo hình thức một bảng cân đối. Qua bảng này, người phân tích có thể xem xét và đánh giá tổng quay: số vốn tăng hay giảm trong kỳ đã được sử dụng vào việc gì và các nguồn phát sinh dẫn đến việc tăng, giảm vốn. Trên cơ sở phân tích đó có thể định hướng huy động vốn cho kỳ tiếp theo.

1.3.2. Doanh thu, chi phí, lợi nhuận

- Phân tích doanh thu

Doanh thu là một chỉ tiêu rất quan trọng, khi phân tích doanh thu ta cần so sánh giữa các chỉ tiêu biến động với doanh thu thuần để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tăng hay giảm so với kỳ trước hoặc so với doanh nghiệp khác là cao hay thấp. Nếu mức hao phí trên một đơn vị doanh thu thuần giảm, mức sinh lợi trên một đơn vị doanh thu thuần càng tăng so với kỳ gốc và so với các doanh nghiệp khác thì chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tăng lên và ngược lại mức hao phí trên một đơn vị doanh thu thuần càng tăng, mức sinh lời trên một đơn vị doanh thu thuần càng giảm so với kỳ gốc và so với các doanh nghiệp khác thì chứng tỏ hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ thấp đi.

- Phân tích chi phí

Chi phí tài chính của doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản nhưng thường gặp nhiều nhất là chi phí lãi vay, lỗ hoặc chênh lệch dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính.

- Phân tích lợi nhuận

Lợi nhuận là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp phản ánh kết quả của quá trình sản xuất kinh doanh. Việc phân tích lợi nhuận giúp ta đánh giá được số lượng và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp, kết quả sử dụng các yếu tố sản xuất về tiền vốn, lao động, vật tư. Khi so sánh lợi nhuận thực hiện so với kế hoạch hay so với kỳ trước ta thấy được sự tăng giảm của lợi nhuận từ các hoạt động.

❖ Biến động dòng tiền

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ có tác dụng rất quan trọng trong việc phân tích, đánh giá khả năng tạo ra tiền, khả năng đầu tư, thanh toán tiềm lực thực sự của doanh nghiệp trong xu hướng phát triển, mở rộng hay đi xuống, thấy được năng lực quản lý dòng tiền của doanh nghiệp.

1.3.3. Nhóm chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán

- Khả năng thanh toán

Doanh nghiệp thường xuyên phải xem xét khả năng thanh toán để tránh tình trạng mất khả năng thanh toán. Tính thanh khoản của tài sản phụ thuộc vào mức độ dễ dàng chuyển đổi tài sản thành tiền mặt mà không phải chịu thua lỗ lớn. Việc quản lý khả năng thanh toán bao gồm việc khớp các yêu cầu trả nợ với thời hạn của tài sản và các nguồn tiền mặt khác nhằm tránh mất khả năng thanh toán mang tính chất kỹ thuật. Do đó, vấn đề chính là liệu một doanh nghiệp có khả năng tạo ra đủ tiền mặt để thanh toán cho những nhà cung cấp nguyên vật liệu và các chủ nợ hay không. Về cơ bản, các hệ số về khả năng thanh toán thử nghiệm mức độ thanh toán của một doanh nghiệp. Hai hệ số thông dụng được sử dụng để xác định khả năng thanh toán của một doanh nghiệp bao gồm hệ số khả năng thanh toán hiện tại (tỷ lệ tài sản trên nợ) và hệ số khả năng thanh toán nhanh hay còn gọi là hệ số thử axit. "Khả năng thanh toán" là số tiền có thể dùng để thanh toán, còn "Nhu cầu thanh toán" là số tiền phải, cần được thanh toán. Hệ số khả năng thanh toán phản ánh mối quan hệ giữa khả năng thanh toán và nhu cầu thanh toán của doanh nghiệp, là cơ sở để đánh giá tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Cụ thể, hệ số khả năng thanh toán của doanh nghiệp bao gồm:

➤ Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

Hệ số này được xác định theo công thức:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$$

Theo công thức trên, khả năng thanh toán của doanh nghiệp sẽ là tốt nếu tài sản ngắn hạn chuyển dịch theo xu hướng tăng lên và nợ ngắn hạn chuyển dịch theo xu hướng giảm xuống; hoặc đều chuyển dịch theo xu hướng tăng nhưng tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn; hoặc đều chuyển

dịch theo xu hướng giảm nhưng tốc độ giảm của tài sản ngắn hạn nhỏ hơn tốc độ giảm của nợ ngắn hạn. Tuy nhiên ở đây xuất hiện mâu thuẫn:

Thứ nhất, khả năng thanh toán của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp, không thể nói tình hình tài chính của doanh nghiệp là không tốt nếu khả năng thanh toán ngắn hạn lớn. Nhưng khả năng thanh toán ngắn hạn lớn có thể do: các khoản phải thu (tức nợ không đòi được hoặc không dùng để bù trừ được) vẫn còn lớn, hàng tồn kho lớn (tức nguyên vật liệu dự trữ quá lớn không dùng hết và hàng hóa, thành phẩm tồn kho không bán được không đổi lưu được) tức là có thể có một lượng lớn tài sản ngắn hạn tồn lớn, phản ánh việc sử dụng tài sản không hiệu quả, vì bộ phận này không vận động không sinh lời... Và khi đó khả năng thanh toán của doanh nghiệp thực tế sẽ là không cao nếu không muốn nói là không có khả năng thanh toán.

Thứ hai, tài sản ngắn hạn có thể được hình thành từ vốn vay dài hạn như tiền trả trước cho người bán; hoặc được hình thành từ nợ khác (như các khoản ký quỹ, ký cược...) hoặc được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu. Chính vì thế có thể vốn vay ngắn hạn của doanh nghiệp nhỏ hơn nợ dài hạn và nợ khác lớn. Nếu lấy tổng tài sản lưu động chia cho nợ ngắn hạn để nói lên khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của doanh nghiệp thì chẳng khác gì kiểu dùng nợ để trả nợ vay.

Chính vì vậy, không phải hệ số này càng lớn càng tốt. Tính hợp lý của hệ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh, ngành nghề nào có tài sản lưu động chiếm tỷ trọng cao như Thương mại trong tổng tài sản thì hệ số này cao và ngược lại.

- Hệ số khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán nhanh được hiểu là khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Tiền ở đây có thể là tiền gửi, tiền mặt, tiền đang chuyển; tài sản có thể chuyển đổi thành tiền là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (cổ phiếu, trái phiếu). Nợ đến hạn và quá hạn phải trả bao gồm nợ ngắn hạn, nợ dài hạn đến hạn phải trả, nợ khác kể cả những khoản trong thời hạn cam kết doanh nghiệp còn được nợ. Hệ số khả năng thanh toán nhanh được tính theo công thức:

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tài sản NH} - \text{Tồn kho}}{\text{Nợ NH}}$$

Hệ số thanh toán nhanh đã loại trừ hàng tồn kho ra khỏi công thức tính toán. Công thức này được nhà đầu tư sử dụng khá phổ biến.

Hàng tồn kho không được đưa vào công thức tính hệ số thanh toán nhanh, vì nó khó có thể chuyển ra tiền mặt một cách dễ dàng, các chi phí trả trước cũng không được đưa vào với lý do tương tự.

Hệ số này nói lên tình trạng tài chính ngắn hạn của một doanh nghiệp có lành mạnh không. Về nguyên tắc, hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán công nợ càng cao và ngược lại. Hệ số này bằng 1 hoặc lớn hơn, cho thấy khả năng đáp ứng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao. Doanh nghiệp không gặp khó khăn nếu cần phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn. Trái lại, nếu **hệ số** thanh toán nhanh nhỏ hơn 1, doanh nghiệp sẽ không đủ khả năng thanh toán ngay lập tức tức toán bộ khoản nợ ngắn hạn hay nói chính xác hơn, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn nếu phải thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn. Phân tích sâu hơn, nếu hệ số thanh toán nhanh nhỏ hơn hệ số thanh toán hiện thời rất nhiều cho thấy, tài sản ngắn hạn phụ thuộc rất lớn vào hàng tồn kho. Trong trường hợp này, tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn là tương đối thấp. Tất nhiên, với tỷ lệ nhỏ hơn 1, doanh nghiệp có thể không đạt được tình hình tài chính tốt nhưng điều đó không có nghĩa là doanh nghiệp sẽ bị phá sản vì có nhiều cách để huy động vốn cho việc trả nợ. Ở một khía cạnh khác, nếu hệ số này quá cao thì vốn bằng tiền quá nhiều, vòng quay vốn lưu động thấp, hiệu quả sử dụng vốn không cao.

Khi sử dụng hệ số này cần lưu ý những điểm sau:

- Hệ số này vô hình trung đã không tính đến năng lực thanh toán "không dùng tiền" của doanh nghiệp trong việc trả các khoản nợ đến hạn. Tức là chưa tính đến khả năng doanh nghiệp dùng một lượng hàng hóa mà thị trường có nhu cầu cao có thể bán ngay được hoặc xuất lưu và như vậy sẽ là phiên diện khi lượng tiền có thể ít, khoản đầu tư ngắn hạn của doanh nghiệp không có nhưng lượng hàng hóa, thành phẩm tồn kho có thể bán ngay bất cứ lúc nào cũng được mà với kết luận doanh nghiệp không đảm bảo được khả năng trả nợ ngắn hạn.
- Có thể xảy ra trường hợp nợ ngắn hạn lớn, nhưng chưa đến hạn trả mà buộc doanh nghiệp phải tính đến khả năng trả nợ ngay, trong khi nợ dài hạn và nợ khác phải trả hoặc quá hạn trả lại không tính đến.
- Cần kết hợp với các hệ số thanh toán khác khi sử dụng hệ số này, đồng thời phải so sánh hệ số thanh toán nhanh của năm nay so với năm trước để nhận diện xu hướng biến động, cũng như cần so sánh với hệ số của doanh nghiệp cùng ngành để đánh giá tương quan cạnh tranh.

- Nhóm hệ số hiệu quả sử dụng tài sản

- ❖ Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$$

Hệ số này đo lường mức doanh số bán hàng liên quan đến mức tồn kho của các loại hàng hóa thành phẩm, nguyên vật liệu.

Hệ số vòng quay hàng tồn kho thể hiện khả năng quản trị hàng tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho là số lần mà hàng hóa tồn kho bình quân luân chuyển trong kỳ.

Hệ số vòng quay hàng tồn kho thường được so sánh qua các năm để đánh giá năng lực quản trị hàng tồn kho là tốt hay xấu qua từng năm. Hệ số này lớn cho thấy tốc độ quay vòng của hàng hóa trong kho là nhanh và ngược lại, nếu hệ số này nhỏ thì tốc độ quay vòng hàng tồn kho thấp. Cần lưu ý, hàng tồn kho mang đậm tính chất ngành nghề kinh doanh nên không phải cứ mức tồn kho thấp là tốt, mức tồn kho cao là xấu.

Hệ số vòng quay hàng tồn kho càng cao càng cho thấy doanh nghiệp bán hàng nhanh và hàng tồn kho không bị ứ đọng nhiều. Có nghĩa là doanh nghiệp sẽ ít rủi ro hơn nếu khoản mục hàng tồn kho trong báo cáo tài chính có giá trị giảm qua các năm.

Tuy nhiên, hệ số này quá cao cũng không tốt, vì như vậy có nghĩa là lượng hàng dự trữ trong kho không nhiều, nếu nhu cầu thị trường tăng đột ngột thì rất có khả năng doanh nghiệp bị mất khách hàng và bị đối thủ cạnh tranh giành thị phần. Hơn nữa, dự trữ nguyên vật liệu đầu vào cho các khâu sản xuất không đủ có thể khiến dây chuyền sản xuất bị ngừng trệ. Vì vậy, hệ số vòng quay hàng tồn kho cần phải đủ lớn để đảm bảo mức độ sản xuất và đáp ứng được nhu cầu khách hàng.

- ❖ Hệ số vòng quay các khoản phải thu

Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ biến đổi các khoản phải thu thành tiền mặt. Hệ số này là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, được tính bằng cách lấy doanh thu trong kỳ chia cho số dư bình quân các khoản phải thu trong kỳ.

$$\text{Vòng quay các khoản} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Bình quân các khoản phải thu}}$$

phải thu

Hệ số vòng quay các khoản phải thu càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh, khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt cao, điều này giúp cho doanh nghiệp nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất. Ngược lại, nếu hệ số này càng thấp thì số tiền của doanh nghiệp bị chiếm dụng ngày càng nhiều, lượng tiền mặt sẽ ngày càng giảm, làm giảm sự chủ động của doanh nghiệp trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong sản xuất và có thể doanh nghiệp sẽ phải đi vay ngân hàng để tài trợ thêm cho nguồn vốn lưu động này.

Từ chỉ số vòng quay các khoản phải thu ta tính được hệ số ngày thu tiền bình quân bằng cách lấy số ngày trong kỳ chia cho vòng quay các khoản phải thu. Ngược lại với chỉ số vòng quay các khoản phải thu, chỉ số ngày thu tiền bình quân càng nhỏ thì tốc độ thu hồi nợ phải thu của doanh nghiệp càng nhanh.

Trong mỗi ngành khác nhau thì chỉ số này cũng khác nhau và để đánh giá hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, cần so sánh hệ số ngày thu tiền bình quân với số ngày thanh toán cho các khoản công nợ phải thu mà doanh nghiệp đó quy định.

❖ Kỳ thu tiền bình quân

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Phải thu của khách hàng} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Doanh thu}}$$

Kỳ thu tiền bình quân cho thấy khoảng thời gian trung bình cần thiết để một công ty thu hồi các khoản nợ từ khách hàng.

Xem xét xu hướng của kỳ thu tiền bình quân qua các thời kỳ của một công ty là có hiệu quả nhất. Nếu vòng quay các khoản phải thu tăng từ năm này qua năm khác cho thấy khả năng yếu kém trong việc quản lý công nợ ở một công ty.

❖ Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

$$\text{Hiệu quả sử dụng} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tài sản cố định bình quân}}$$

tài sản cố định

Muốn đánh giá việc sử dụng tài sản dài hạn có hiệu quả không phải so sánh với các doanh nghiệp khác cùng ngành hoặc so sánh với các thời kỳ trước. Tuy nhiên, khi phân tích hệ số này cần lưu ý là trong tài sản dài hạn có tài sản cố định mà tài sản cố định phải được xác định theo giá trị còn lại tại thời điểm báo cáo.

❖ Hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn

$$\text{Hiệu quả sử dụng} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

tài sản ngắn hạn

❖ Hiệu quả sử dụng toàn bộ tài sản (Vòng quay toàn bộ tài sản)

Hiệu quả sử dụng toàn bộ tài sản đo lường một đồng tài sản tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra bao nhiêu đồng doanh thu.

$$\text{Số vòng quay toàn bộ tài sản} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

Nếu như trong các thời kỳ, tổng mức tài sản của doanh nghiệp đều tương đối ổn định, ít thay đổi thì tổng mức bình quân có thể dùng số bình quân của mức tổng tài sản đầu kỳ và cuối kỳ. Nếu tổng mức tài sản có sự thay đổi biến động lớn thì phải tính theo tài liệu kỹ lưỡng hơn đồng thời khi tính mức quay vòng của tổng tài sản thì các trị số phần tử và mẫu số trong công thức phải lấy trong cùng một thời kỳ. Mức quay vòng của tổng tài sản là chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng tổng hợp toàn bộ tài sản của doanh nghiệp, chỉ tiêu này càng cao càng tốt. Giá trị của chỉ tiêu càng cao chứng tỏ cùng một tài sản mà thu được mức lợi ích càng thu lợi của doanh nghiệp càng cao. Nếu ngược lại, thì chứng tỏ các tài sản của doanh nghiệp chưa được sử dụng có hiệu quả.

- Nhóm hệ số về cơ cấu tài chính

❖ Hệ số nợ trên tổng tài sản

Hệ số này là một hệ số quan trọng trong phân tích doanh nghiệp. qua hệ số này ta biết khi doanh nghiệp phá sản thì tài sản có đủ để trả nợ hay không.

$$\text{Hệ số nợ trên tổng tài sản} = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}}$$

Doanh nghiệp có hệ số nợ trên tổng tài sản thấp thì mức độ an toàn tài chính cao, dễ vay mượn vốn từ ngân hàng hay chủ nợ khác, và ngược lại. Tuy chủ nợ không thích doanh nghiệp có hệ số nợ cao nhưng cổ đông thì lại muốn có hệ số cao, vì như vậy làm gia tăng lợi nhuận cho cổ đông.

Tỷ số nợ phụ thuộc rất nhiều yếu tố như loại hình doanh nghiệp, qui mô doanh nghiệp, lĩnh vực hoạt động, mục đích vay. Tuy nhiên tỷ lệ này thông thường ở mức 60/40 được cho là an toàn tài chính mà chủ nợ dễ chấp nhận. Nghĩa là doanh nghiệp có hệ số nợ là 60% (Tổng tài sản là 100 thì vốn vay là 60).

❖ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu

$$\text{Hệ số nợ trên} = \frac{\text{Tổng số nợ phải trả}}{\text{Vốn CSH}}$$

vốn chủ sở hữu

Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu cho thấy tỷ trọng giữa nợ với vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Tỷ số này cho biết quan hệ giữa vốn huy động bằng đi vay và vốn chủ sở hữu. Tỷ số này nhỏ chứng tỏ doanh nghiệp ít phụ thuộc vào hình thức

huy động vốn bằng đi vay nợ, có thể hàm ý doanh nghiệp chịu rủi ro thấp. Tuy nhiên, nó cũng có thể chứng tỏ doanh nghiệp chưa biết cách vay nợ để kinh doanh và khai thác lợi ích của hiệu quả tiết kiệm thuế.

❖ Khả năng thanh toán lãi vay

Lãi vay hàng năm là chi phí tài chính cố định. Khoản tiền mà doanh nghiệp dùng để trả lãi vay là thu nhập trước thuế và lãi vay. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay cho biết công ty sẵn sàng trả lãi đến mức nào. Cụ thể hơn chúng ta muốn biết rằng liệu số vốn đi vay có thể đem lại khoản lợi nhuận bao nhiêu và đủ bù đắp lãi vay hay không.

$$\text{Hệ số khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lãi vay trước thuế}}{\text{Lãi vay}}$$

Lãi vay được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ của doanh nghiệp nên tạo ra phần tiết kiệm thuế. Do vậy, doanh nghiệp có thể cân nhắc lựa chọn một mức sử dụng nợ hợp lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho chủ sở hữu.

Hệ số khả năng thanh toán lãi vay cho biết mức độ lợi nhuận đảm bảo khả năng trả lãi hàng năm như thế nào. Việc không trả được các khoản nợ sẽ thể hiện khả năng doanh nghiệp có nguy cơ bị phá sản.

- **Nhóm hệ số về khả năng sinh lời**

❖ Tỷ suất doanh lợi (ROS)

$$\text{ROS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

Để xác định chỉ tiêu này tốt hay không tốt, ngoài việc so sánh nó với chỉ tiêu trong năm gốc và kế hoạch để có thể thấy rõ xu hướng phát triển của doanh nghiệp, nhà quản lý còn phải xem tính chất của ngành kinh doanh mà doanh nghiệp đang hoạt động.

❖ Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)

$$\text{ROA} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100\%$$

ROA là một tỷ lệ tài chính cho thấy tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận mà doanh nghiệp kiếm được trong mối quan hệ với các nguồn lực tổng thể của nó (tổng tài sản). Khả năng sinh lời trên tài sản là một tỷ lệ lợi nhuận quan trọng, nó cho thấy khả năng của doanh nghiệp để tạo ra lợi nhuận trước đòn bẩy tài chính, chứ không phải bằng cách sử dụng đòn bẩy tài chính. Không giống như tỷ suất sinh lời khác, chẳng hạn như khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE), đo lường ROA sẽ

bao gồm tất cả các tài sản của doanh nghiệp - bao gồm cả những phát sinh từ các khoản nợ cũng như những phát sinh từ các khoản đóng góp của các nhà đầu tư. Vì vậy, ROA sẽ cho ta thấy sự hiệu quả của doanh nghiệp trong việc quản lý, sử dụng tài sản để tạo ra lợi nhuận, nhưng chỉ tiêu này thường ít được các cổ đông quan tâm đến so với một số chỉ tiêu tài chính khác như ROE.

❖ Tỷ suất sinh lời của vốn CSH (ROE)

Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) là số tiền lợi nhuận trở lại như một tỷ lệ vốn chủ sở hữu. Nó cho thấy có bao nhiêu lợi nhuận kiếm được của một doanh nghiệp so với tổng số vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp đó.

ROE là một trong những chỉ tiêu tài chính quan trọng nhất. Nó thường được xem là tỷ lệ tối thượng có thể được lấy từ báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nó là chỉ tiêu để đo lường khả năng sinh lời của một doanh nghiệp đối với chủ đầu tư.

$$ROE = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} \times 100\%$$

1.3.4. Nhóm chỉ tiêu phi tài chính (bổ trợ cho ngành xây dựng)

- Tiến độ và chất lượng công trình.
- Uy tín trong đấu thầu và năng lực thi công.
- Tỷ lệ công trình đúng hạn và tỷ lệ bảo hành, sửa chữa.
- Mức độ an toàn lao động và quản lý môi trường.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng của Phân tích tình hình hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, cả bên trong (chủ quan) và bên ngoài (khách quan). Việc nhận diện rõ các yếu tố này giúp công ty có định hướng quản lý và chiến lược phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh.

1.4. Các yếu tố tác động đến tình hình tài chính

1.4.1. Các yếu tố bên trong doanh nghiệp (yếu tố chủ quan)

- Năng lực quản lý và điều hành:
 - Đây là yếu tố then chốt quyết định đến hiệu quả sử dụng các nguồn lực của công ty.
 - Ban lãnh đạo có tầm nhìn chiến lược, khả năng tổ chức và kiểm soát tốt sẽ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm rủi ro trong thi công.

- Nguồn nhân lực:
 - Chất lượng đội ngũ kỹ sư, công nhân và cán bộ quản lý ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ, chất lượng và năng suất lao động.
 - Trong ngành xây dựng, tay nghề, ý thức an toàn và tinh thần trách nhiệm là yếu tố quan trọng.
- Nguồn vốn và khả năng huy động vốn:
 - Hoạt động xây dựng đòi hỏi vốn đầu tư lớn, chu kỳ thi công dài và thời gian thu hồi vốn chậm.
 - Khả năng huy động vốn (từ ngân hàng, cổ đông, đối tác) ảnh hưởng lớn đến quy mô, tiến độ và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Cơ cấu tài sản và quản lý chi phí:
 - Quản lý chi phí vật liệu, nhân công và máy móc thi công quyết định trực tiếp đến lợi nhuận.
 - Cơ cấu tài sản hợp lý giúp sử dụng hiệu quả vốn cố định và vốn lưu động.
- Trình độ công nghệ và thiết bị thi công:
 - Việc áp dụng công nghệ mới, máy móc hiện đại giúp tăng năng suất, giảm hao hụt nguyên vật liệu, rút ngắn thời gian thi công.
 - Ngược lại, công nghệ lạc hậu sẽ làm tăng chi phí và giảm sức cạnh tranh.
- Chất lượng quản lý dự án và hệ thống kiểm soát nội bộ:
 - Công tác dự toán, giám sát, nghiệm thu, quản lý hợp đồng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và uy tín của công ty.
 - Hệ thống kiểm soát nội bộ yếu kém có thể dẫn đến thất thoát tài chính và sai sót kế toán.

1.4.2. Các yếu tố bên ngoài doanh nghiệp (yếu tố khách quan)

- Tình hình kinh tế vĩ mô:
 - Biến động của nền kinh tế (lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá nguyên vật liệu) ảnh hưởng mạnh đến chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp xây dựng.
 - Khi nền kinh tế suy thoái, đầu tư công và tư giảm, cơ hội đấu thầu công trình bị thu hẹp.
- Chính sách của Nhà nước và pháp luật xây dựng:

- Các quy định về đấu thầu, cấp phép xây dựng, thuế, an toàn lao động, và môi trường tác động trực tiếp đến hoạt động của công ty.
- Việc thay đổi chính sách đầu tư công, tín dụng hay thuế VAT cũng có thể ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của doanh nghiệp.
- Môi trường cạnh tranh trong ngành:
 - Ngành xây dựng có mức độ cạnh tranh cao, nhiều doanh nghiệp cùng tham gia đấu thầu, khiến biên lợi nhuận giảm.
 - Năng lực cạnh tranh về giá, tiến độ, chất lượng và uy tín là yếu tố sống còn.
- Thị trường nguyên vật liệu và nhân công:
 - Biến động giá thép, xi măng, xăng dầu, nhân công... ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất và giá thành công trình.
- Yếu tố tự nhiên – kỹ thuật:
 - Thời tiết, điều kiện địa hình và môi trường ảnh hưởng đến tiến độ và chi phí thi công.
 - Các yếu tố như mưa bão, lũ lụt, hoặc địa chất phức tạp có thể làm tăng chi phí xây dựng hoặc kéo dài thời gian hoàn thành dự án.
- Yếu tố khách hàng và đối tác:
 - Uy tín, khả năng thanh toán và yêu cầu của chủ đầu tư ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của công ty.
 - Mối quan hệ hợp tác với các nhà cung cấp, thầu phụ và ngân hàng cũng quyết định sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.

CHƯƠNG 2: PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HEZCON

2.1. Giới thiệu về tổ chức Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

2.1.1. *Khái quát về Công ty cổ phần xây dựng Henson*

- Tên công ty : Công ty cổ phần xây dựng Hezcon
- Tên quốc tế : HEZCON CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Đăng ký kinh doanh: Số 6/115A/292 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
- Trụ sở chính: Số 208, Khu Tái định cư Tam Kỳ, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
- Điện thoại: 02256579777
- Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng
- Người đại diện: Đào Tiến Đạt
- Chức danh: Tổng giám đốc

Trong quá trình phát triển không ngừng nghỉ của thị trường, Công ty cổ phần xây dựng Hezcon hoạt động theo phương châm nếu không tự mình tạo lập nên nền tảng vững chắc cho chính mình sẽ tự đào thải và không thể tồn tại trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường.

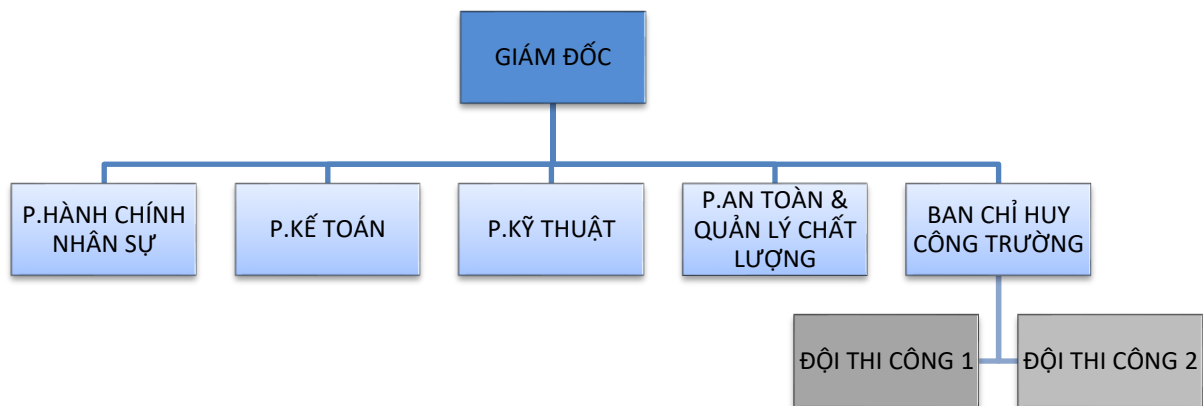
Công ty cổ phần xây dựng Hezcon với đội ngũ nhân viên trẻ năng động sáng tạo và đầy nhiệt huyết, đơn vị đã đạt được những bước phát triển đáng kể trong công việc. Công ty trang bị một hệ thống máy móc, thiết bị đồng bộ, phương tiện kỹ thuật đa dạng về chủng loại, hiện đại tiên tiến về công nghệ.

Mặc dù được thành lập và hoạt động chưa lâu nhưng đơn vị đã tạo được nền tảng phát triển cho mình, các dự án do công ty đảm nhận được đánh giá cao về chất lượng và tiến độ.

Hiện tại, công ty đang mở rộng thị trường và phù hợp với chiến lược phát triển của công ty – Sản xuất kinh doanh đa ngành nghề.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Hình 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Henzon



❖ Chức năng, nhiệm vụ các bộ phận, phòng ban

Giám đốc: là người quản lý và giám sát tất cả các hoạt động kinh doanh, con người cũng như các hoạt động hợp tác của doanh nghiệp, có vị trí quản lý điều hành cao nhất trong doanh nghiệp và chịu trách nhiệm cho thành công chung của doanh nghiệp. Tổng giám đốc có thể quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp mà không cần thông qua Hội đồng quản trị. Nhiệm vụ: Quyết định hoạt động kinh doanh, họ tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các chiến lược để đảm bảo hiệu quả tài chính và chi phí hiệu quả cho doanh nghiệp. Xây dựng và quản lý cơ cấu doanh nghiệp. Xây dựng và duy trì các mối quan hệ hợp tác.

Phòng hành chính nhân sự: là phòng ban trong doanh nghiệp có chức năng quản lý và điều hành các hoạt động liên quan đến nhân sự và hành chính. Trong một số tổ chức lớn, phòng hành chính nhân sự cũng có trách nhiệm quản lý các hoạt động hành chính như quản lý văn phòng phẩm, quản lý không gian văn phòng, và hỗ trợ các hoạt động tổ chức nội bộ khác. Nhiệm vụ: Phòng hành chính nhân sự chịu trách nhiệm tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự cho doanh nghiệp. Bao gồm các công việc như xây dựng kế hoạch và triển khai tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự, theo dõi, đánh giá hiệu quả của công tác tuyển dụng, phát triển nhân sự. Xây dựng và triển khai hệ thống tiền lương, thưởng và phúc

lợi. Tính toán, chi trả tiền lương, thưởng và phúc lợi cho nhân viên. Đồng thời theo dõi, quản lý quỹ tiền lương, thưởng và phúc lợi. Quản lý hồ sơ, hợp đồng lao động, quản lý kỷ luật, kỷ luật lao động, quản lý quan hệ lao động.

Phòng kế toán: Tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn kinh phí, các nguồn thu sự nghiệp và các khoản thu dịch vụ khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức công tác kế toán phù hợp với mô hình hoạt động của nhà trường và tuân thủ theo đúng quy định về công tác quản lý tài chính đối với đơn vị sự nghiệp. Nhiệm vụ: Tham mưu giúp xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn; quản lý tài chính theo quy định của Nhà nước; căn cứ điều kiện thực tế lập dự toán thu – chi hàng năm trình cấp trên phê duyệt; Tổ chức hoạt động và điều hành toàn bộ công tác nghiệp vụ kế toán, chủ động khai thác, sử dụng phần mềm kế toán đã được phê duyệt để thực hiện công tác hạch toán kế toán theo mô hình hoạt động của đơn vị đảm bảo đúng quy định tài chính hiện hành; Hướng dẫn các đơn vị sử dụng các nguồn thu và kinh phí theo đúng chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Quy chế chi tiêu nội bộ; Là đầu mối phối hợp với các đơn vị toàn trường tham mưu, giúp soạn thảo hệ thống văn bản quy định về chi tiêu kinh phí, quy chế chi tiêu nội bộ; đề xuất các biện pháp khai thác và quản lý nguồn thu, chống thất thu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Giúp thực hiện kiểm tra, giám sát các hợp đồng kinh tế, về công tác chi phí trong đầu tư, xây dựng cơ bản, sửa chữa, mua sắm tài sản, trang thiết bị.

Phòng kỹ thuật: có chức năng tham mưu giúp công ty trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật, quản lý chất lượng công trình, an toàn lao động và các hoạt động có liên quan khác.

Phòng an toàn và quản lý chất lượng: có chức năng kiểm soát rủi ro an toàn và giám sát chất lượng công trình, nhằm đảm bảo thi công an toàn – đúng thiết kế - đạt chuẩn – bền vững.

Ban chỉ huy công trường: là bộ phận “đầu não tại công trình” – trực tiếp quản lý, điều hành thi công, đảm bảo công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng, an toàn và chi phí.

Đội thi công 1 và Đội thi công 2: là lực lượng lao động trực tiếp, “cánh tay thực hiện” của Ban chỉ huy công trường, chịu trách nhiệm biến bản vẽ - kế hoạch thành công trình thực tế.

❖ Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình dân dụng, công trình công nghiệp, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp; các công trình giao thông và công trình thủy lợi.

Tư vấn đầu tư, quản lý dự án công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị và khu công nghiệp.

Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội thất ngoại công trình.

Bảng 2.1: Tình hình nguồn nhân lực của Công ty cổ phần Hezcon

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Tổng số lao động	25	100	22	100	30	100
1. Trình độ học vấn						
Đại học	9	36	10	45.45	10	33.33
Cao đẳng	1	4	0	0	2	6.67
Trung cấp	15	60	12	54.54	18	60
2. Giới tính						
Nhân viên nam	20	80	19	86.36	26	86.67
Nhân viên nữ	5	20	3	13.64	4	13.33

(Nguồn: Hồ sơ năng lực của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Trong giai đoạn 2022–2024, tổng số lao động của doanh nghiệp có sự biến động đáng kể. Năm 2023 số lượng lao động giảm so với năm 2022, tuy nhiên đến năm 2024 đã tăng mạnh, phản ánh xu hướng mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Về trình độ học vấn, lực lượng lao động trình độ trung cấp luôn chiếm tỷ trọng cao nhất và duy trì khá ổn định, cho thấy nhu cầu lao động có tay nghề thực hành vẫn là chủ yếu. Lao động trình độ đại học có sự thay đổi qua các năm: tăng vào năm 2023 nhưng giảm trở lại trong năm 2024, điều này cho thấy chất lượng nguồn nhân lực cao chưa thật sự ổn định. Đáng chú ý, cơ cấu giới tính có sự chênh lệch rõ rệt, khi lao động nam luôn chiếm ưu thế tuyệt đối (trên 80%), trong khi lao động nữ chiếm tỷ lệ rất nhỏ và có xu hướng giảm. Nhìn chung, lực lượng lao động của doanh nghiệp đang phát triển theo hướng mở rộng về quy mô nhưng vẫn cần chú trọng nâng cao tính ổn định của đội ngũ nhân lực trình độ đại học và cân đối hơn về giới tính.

2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.

2.2.1. Đánh giá khái quát tình hình Công ty cổ phần xây dựng Hezcon Biến động của tài sản, nguồn vốn

Bảng 2.2: Bảng cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Đơn vị: đồng)

TÀI SẢN	NĂM 2022		NĂM 2023		NĂM 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
A. Tài sản NH	7,552,678,509	100	9,062,059,288	99	8,805,479,901	94
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	6,191,785,544	81.98	7,324,214,997	80.40	7,131,736,916	76.45
II. Các khoản đầu tư tài chính NH	-	-	657,392,188	7.22	816,729,187	8.75
III. Các khoản thu NH	-	-	34,350,420	0.38	135,480,600	1.45
IV. Phải trả trước cho người bán NH	-	-	623,041,768	6.84	681,248,587	7.30
V. Tài sản NH khác	144,657,387	1.92	13,533,320	0.15	31,352,011	0.34
VI. Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	52,878,668	0.58	56,418,845	0.60
VII. Hàng tồn kho	1,216,235,578	16.10	1,014,040,115	11.13	769,242,942	8.25
B. Tài sản dài hạn	-	-	47,488,005	1	523,409,722	6
I. Các khoản đầu tư DH	-	-	-	-	-	-
II. TSCĐ hữu hình	-	-	-	-	548,636,364	5.88
Giá trị hao mòn lũy kế			-	-	(25,226,642)	(0.27)
III. Bất động sản đầu tư	-	-	48,636,364	0.53	-	-
IV. Giá trị hao mòn lũy kế (*)			(1,148,359)	(0.01)	-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính DH	-	-	-	-	-	-
VI. Tài sản DH khác	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	7,552,678,509	100	9,109,547,293	100	9,328,889,623	100

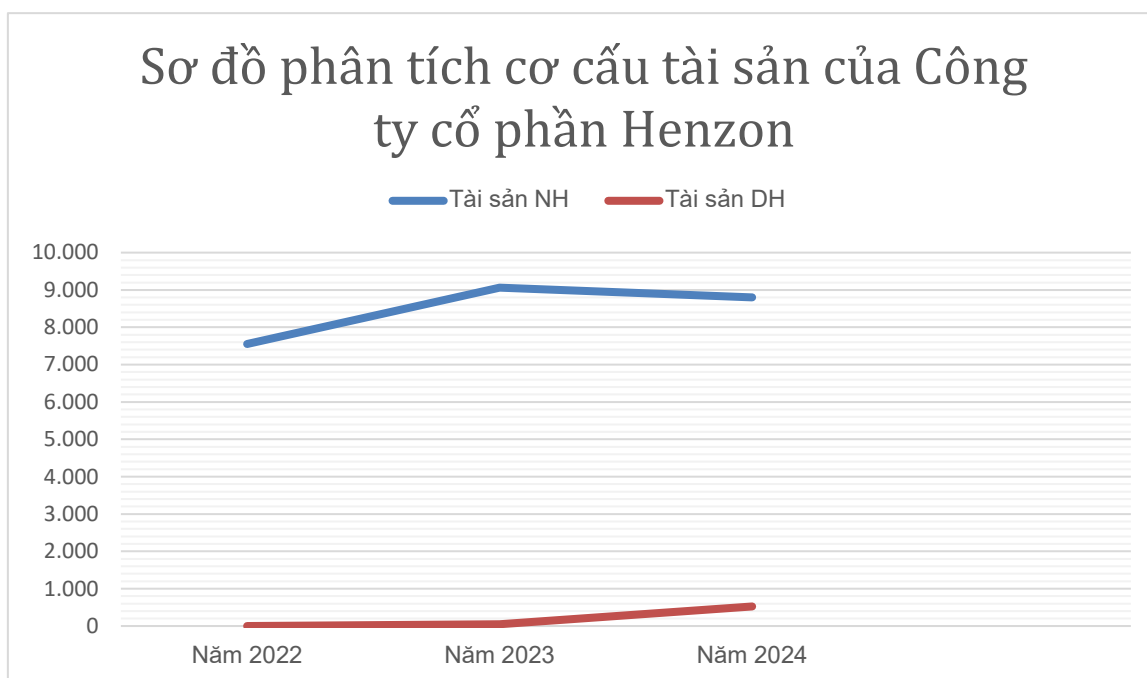
(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Nhận xét:

Năm 2022, tổng tài sản của Công ty hiện đang quản lý và xử dụng là 7.552.678.509 đồng. Nhưng sang tới năm 2023 và 2024 ta có thể thấy tổng tài sản tăng đáng kể lần lượt là 9.109.547.293 đồng và 9.328.889.623 đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn năm 2022 chiếm tới 100%, tài sản dài hạn chiếm 0%, so với năm 2023 và năm 2024 với sự thay đổi nhẹ tài sản ngắn hạn đã giảm xuống còn 99% và 94% (tài sản dài hạn tăng lên 1% và 6%). Như vậy có sự thay đổi về tỉ trọng trong các khoản mục. Trong tài sản ngắn hạn thì tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng cao nhất qua từng năm lần lượt chiếm 81,98%; 80,4%; 76,45%. Ngoài ra, khoản mục hàng tồn kho giảm đều từ 16,1% (năm 2022) xuống còn 8,25% (năm 2024). Hạng mục các khoản thu ngắn hạn năm 2024 là năm cao nhất trong 3 năm đồ lại, tuy nhiên hạng mục tài sản ngắn hạn khác chỉ tăng nhẹ so với năm 2023 là 0,09% nhưng lại giảm so với năm 2022 là 1.58%. Điều đó chứng tỏ kết cấu tài sản của Công ty năm 2024 đã có sự thay đổi so với năm 2022 và năm 2023.

Tổng tài sản của Công ty năm 2024 là 9.328.889.623 đồng tăng 1.776.211.114 đồng so với năm 2022. Cụ thể:

- Đa phần chỉ tiêu thuộc mục A – Tài sản ngắn hạn đều tăng hoặc không có sự thay đổi đáng kể. Tài sản ngắn hạn của Công ty năm 2024 so với năm 2022 tăng 1.252.801.392 đồng chứng tỏ Công ty đã tăng đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh.
- Với chỉ tiêu thuộc mục B – Tài sản dài hạn năm 2024 là năm có mục tài sản dài hạn tăng cao nhất trong 3 năm là 523.409.722 đồng tương ứng với 6% trong tổng tài sản. Trong đó tài sản cố định hữu hình là 5,88%. Với sự thay đổi này ta có thể thấy Công ty đã có sự chú trọng hơn tới củng cố cơ sở vật chất, phát triển lâu dài, tuy nhiên tài sản ngắn hạn vẫn chiếm phần lớn tổng tài sản nên Công ty cần có sự đánh giá kỹ về nguồn vốn tài trợ và hiệu quả sử dụng để tránh rủi ro tài chính.
- Từ bảng phân tích trên ta có sơ đồ Phân tích cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon:



Sơ đồ 1: Sơ đồ phân tích cơ cấu tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon
(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

- Nhận xét:
 - Việc duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn quá cao có thể giúp công ty đảm bảo tính thanh khoản, nhưng cũng cho thấy chưa đầu tư mạnh vào tài sản cố định – yếu tố quyết định năng lực sản xuất dài hạn.
 - Năm 2024, khi tài sản dài hạn tăng, cho thấy công ty bắt đầu định hướng phát triển bền vững, đầu tư để nâng cao năng lực thi công và cạnh tranh.

2.2.2. Phân tích môi trường vĩ mô (PESTLE) ảnh hưởng đến Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.

❖ Yếu tố chính trị (Political)

Ổn định chính trị tại Việt Nam: Môi trường chính trị ổn định giúp Hezcon yên tâm triển khai các dự án trung và dài hạn. Điều này tạo ra niềm tin cho nhà đầu tư, chủ đầu tư và hệ thống ngân hàng trong hoạt động cấp vốn – tạm ứng – thanh toán.

Chính sách đầu tư công: Các chương trình đầu tư công về hạ tầng giao thông, thủy lợi, trường học, bệnh viện... tiếp tục được Chính phủ ưu tiên. Đây là cơ hội lớn cho các doanh nghiệp xây dựng như Hezcon mở rộng thị phần, đặc biệt trong mảng hạ tầng và xây dựng dân dụng.

Thủ tục hành chính: Mặc dù có cải thiện, nhưng thủ tục đấu thầu, giải ngân hoặc nghiệm thu vẫn còn phức tạp, kéo dài thời gian thi công, ảnh hưởng đến

dòng tiền của doanh nghiệp. Hezcon chịu tác động mạnh ở các khâu thanh toán và phê duyệt hồ sơ kỹ thuật.

❖ **Yếu tố kinh tế (Economic)**

Tăng trưởng kinh tế và nhu cầu xây dựng: Nền kinh tế tăng trưởng kéo theo nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng, khu dân cư, bất động sản thương mại. Tuy nhiên, sự suy giảm của thị trường bất động sản trong một số giai đoạn có thể làm giảm số lượng dự án mới mà Hezcon có thể tham gia.

Lạm phát và biến động giá vật liệu: Giá thép, xi măng, cát, đá... thường biến động mạnh, gây khó khăn cho việc dự toán chi phí. Nếu hợp đồng không điều chỉnh giá, Hezcon có thể đối mặt với rủi ro giảm biên lợi nhuận.

Lãi suất và khả năng tiếp cận tín dụng: Ngành xây dựng cần vốn lớn, thời gian thu hồi lâu. Khi lãi suất tăng hoặc ngân hàng siết tín dụng, Hezcon sẽ gặp khó trong dòng tiền, đặc biệt đối với các dự án thi công trước – thanh toán sau.

❖ **Yếu tố về môi trường (Environmental)**

Biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan: Mưa bão kéo dài, nắng nóng, lũ lụt... có thể làm chậm tiến độ công trình, gây tăng chi phí và ảnh hưởng chất lượng thi công.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các dự án xây dựng phải tuân thủ quy định về hạn chế bụi, tiếng ồn, xử lý chất thải. Điều này đòi hỏi Hezcon đầu tư thêm chi phí kiểm soát môi trường tại công trường.

Nguồn tài nguyên cát, đá khan hiếm: Khai thác bị siết chặt khiến nguồn cung giảm, giá tăng. Điều này tác động đáng kể đến chi phí thi công.

Xu hướng công trình xanh: Ngày càng nhiều chủ đầu tư yêu cầu tiêu chuẩn công trình xanh (LEED, LOTUS). Đây là cơ hội để Hezcon cải thiện năng lực thi công và cạnh tranh trong phân khúc cao cấp nếu đáp ứng tốt.

❖ **Yếu tố xã hội (Social)**

Tốc độ đô thị hóa cao: Việt Nam đang đô thị hóa mạnh, đặc biệt tại Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng... tạo ra nhiều cơ hội mới cho Hezcon trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, thương mại và hạ tầng đô thị.

Dân số trẻ, nhu cầu nhà ở lớn: Nhu cầu về nhà ở và cơ sở hạ tầng gia tăng, đặc biệt là các khu dân cư, chung cư và khu công nghiệp. Điều này mở rộng thị trường tiềm năng cho Hezcon.

Thiếu hụt lao động có tay nghề: Ngành xây dựng thường thiếu nhân công có kỹ năng cao, công nhân dễ dịch chuyển giữa các đơn vị. Điều này khiến Hezcon phải gia tăng chi phí đào tạo, quản lý và giữ chân nhân sự.

Đòi hỏi cao về an toàn lao động và chất lượng: Xã hội ngày càng chú trọng an toàn công trình và trách nhiệm xã hội. Hezcon cần đầu tư thêm vào quy trình kiểm soát chất lượng và an toàn để tránh tai nạn lao động và ảnh hưởng đến hình ảnh doanh nghiệp.

❖ Yếu tố công nghệ (Technological)

Ứng dụng công nghệ thi công mới: Công nghệ BIM, công nghệ thi công nhanh, máy móc hiện đại... giúp rút ngắn thời gian, giảm chi phí và nâng cao độ chính xác. Nếu Hezcon đầu tư tốt vào công nghệ sẽ nâng cao vị thế cạnh tranh.

Chuyển đổi số trong quản lý dự án: Các phần mềm quản lý hồ sơ, tiến độ, tài chính, thầu... giúp tối ưu vận hành nội bộ. Doanh nghiệp nào chậm đổi mới sẽ giảm năng suất lao động.

Tự động hóa và máy móc hiện đại: Mặc dù chi phí đầu tư lớn, nhưng về dài hạn giúp giảm phụ thuộc vào lao động thủ công, tăng độ an toàn và ổn định chất lượng.

Ứng dụng vật liệu mới: Xu hướng sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, bền vững, bê tông không nung, thép cường độ cao... tạo ra cơ hội nhưng cũng đòi hỏi Hezcon phải cập nhật kỹ thuật.

❖ Yếu tố pháp lý (Legal)

Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Luật Đất đai: Các chính sách pháp lý liên quan đến thủ tục cấp phép, đấu thầu, nghiệm thu và thanh toán đóng vai trò quan trọng. Sự thay đổi pháp luật có thể gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án của Hezcon.

Tiêu chuẩn kỹ thuật – an toàn: Quy định về an toàn lao động ngày càng chặt chẽ. Hezcon cần tuân thủ nghiêm ngặt để tránh xử phạt, đình chỉ thi công hoặc thiệt hại uy tín.

Thuế và chính sách tài chính: Quy định về thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, các ưu đãi hoặc siết quản lý hóa đơn đều tác động trực tiếp đến giá thành và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Minh bạch trong hồ sơ, phòng chống tham nhũng: Ngành xây dựng thường liên quan đến hồ sơ thầu và thanh quyết toán. Cơ chế kiểm tra chặt chẽ hơn buộc Hezcon phải minh bạch, chuẩn hóa quy trình quản lý.

2.2.3. Phân tích môi trường vi mô (Mô hình 5 áp lực cạnh tranh của Porter) ảnh hưởng đến Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

❖ Áp lực từ đối thủ hiện đại

Ngành xây dựng tại Việt Nam có mức độ cạnh tranh rất cao, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp lớn và vừa:

Các doanh nghiệp lớn: Coteccons, Hòa Bình, Vinaconex, FECON... có lợi thế về thương hiệu, tài chính, công nghệ và hồ sơ năng lực mạnh.

Doanh nghiệp hạng trung và địa phương: hàng nghìn công ty xây dựng quy mô nhỏ cạnh tranh trực tiếp với Hezcon trong phân khúc dân dụng, công trình nhỏ, công trình hạ tầng địa phương.

Đặc điểm ngành khiến cạnh tranh gay gắt:

- ✓ Biên lợi nhuận thấp: Các doanh nghiệp thường cạnh tranh bằng giá, gây áp lực giảm lợi nhuận của Hezcon.
- ✓ Số lượng nhà thầu nhiều: Chủ đầu tư có nhiều lựa chọn, đòi hỏi Hezcon phải cải thiện chất lượng và tiến độ để giữ khách hàng.
- ✓ Hợp đồng đấu thầu công khai: Tăng mức độ minh bạch, nhưng làm cạnh tranh giá càng mạnh hơn.
- ✓ Thương hiệu và uy tín quyết định khả năng trúng thầu: Doanh nghiệp mới hoặc nhỏ như Hezcon bị bất lợi nếu không đầu tư vào hồ sơ năng lực và các dự án tiêu biểu.

❖ Áp lực từ đối thủ tiềm ẩn (nguy cơ gia nhập ngành)

Ngành xây dựng có rào cản gia nhập không quá cao, dẫn đến nguy cơ xuất hiện thêm nhiều đối thủ mới:

- ✓ Yêu cầu vốn ban đầu vừa phải đối với các doanh nghiệp thi công nhỏ.
- ✓ Tính phân mảnh của ngành tạo điều kiện cho nhiều công ty mới tham gia vào các dự án vừa và nhỏ.
- ✓ Nhân công phổ thông dễ tuyển, máy móc có thể thuê ngoài → giảm yêu cầu đầu tư ban đầu.
- ✓ Uy tín – hồ sơ năng lực: các dự án lớn đòi hỏi kinh nghiệm và năng lực tài chính mạnh.
- ✓ Yêu cầu pháp lý: chứng chỉ hành nghề, năng lực hoạt động xây dựng...
- ✓ Quan hệ với chủ đầu tư và các bên liên quan: là yếu tố then chốt khó xây dựng trong ngắn hạn.

- ✓ Khả năng tiếp cận nguồn vốn: doanh nghiệp nhỏ mới thành lập sẽ gặp khó khi ứng vốn thi công.

- ❖ Áp lực từ sản phẩm thay thế

Vật liệu mới, công nghệ thi công hiện đại:

- ✓ Nhà thép tiền chế thay cho bê tông cốt thép.
- ✓ Công nghệ lắp ghép (prefab) giúp rút ngắn thời gian thi công.
- ✓ Bê tông nhẹ, gạch không nung, vật liệu xanh.

Nhà thầu nước ngoài: Một số dự án FDI hoặc dự án công nghệ cao ưu tiên nhà thầu nước ngoài có kỹ thuật vượt trội → thay thế vai trò của các nhà thầu nội địa.

Công nghệ số và BIM: Các công ty áp dụng BIM có lợi thế lớn về tiến độ và chi phí → gây áp lực cho doanh nghiệp truyền thống như Hezcon.

- ❖ Quyền lực thương lượng của nhà cung cấp

Biến động mạnh của giá thép, xi măng → nhà cung cấp có vị thế cao, có thể đẩy giá trong thời kỳ khan hiếm.

Nguồn cát – đá bị hạn chế do siết quản lý khai thác → giá tăng, nguồn cung không ổn định.

Thầu phụ chuyên môn cao (điện, nước, hoàn thiện) thường hiếm, dễ tăng giá.

Nhân công xây dựng thiếu ổn định → yêu cầu cao về chi phí và chế độ.

- ❖ Quyền lực thương lượng của khách hàng (chủ đầu tư)

Nhiều nhà thầu cạnh tranh → khách hàng có nhiều lựa chọn.

Đấu thầu cạnh tranh → giá là yếu tố quyết định, tạo áp lực giảm biên lợi nhuận của Hezcon.

Chủ đầu tư thường chậm thanh toán hoặc yêu cầu chi tiết hồ sơ nghiệm thu → ảnh hưởng dòng tiền.

Hợp đồng thường nghiêng về chủ đầu tư với điều khoản phạt tiến độ, chất lượng rất chặt chẽ.

Khách hàng ngày càng yêu cầu tiêu chuẩn cao về an toàn, tiến độ, vật liệu.

Áp lực cạnh tranh	Mức độ tác động	Đánh giá chung
1. Đối thủ hiện tại	Rất cao	Áp lực lớn nhất, thị trường xây dựng phân mảnh, cạnh tranh mạnh về giá
2. Đối thủ tiềm ẩn	Trung bình – Cao	Nhiều doanh nghiệp nhỏ dễ gia nhập ngành
3. Sản phẩm thay thế	Trung bình	Công nghệ thi công mới và nhà thầu nước ngoài
4. Nhà cung cấp	Trung bình – Cao	Rủi ro biến động giá và phụ thuộc vật liệu
5. Khách hàng	Rất cao	Chủ đầu tư có quyền lực lớn do nhiều lựa chọn nhà thầu

2.2.4. Phân tích xu hướng và cơ cấu doanh thu theo từng hoạt động của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Bảng 2.3: Thực trạng doanh thu của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tổng DT	3,435,775,502	100	2,945,565,548	100	1,860,115,656	100
DT bán hàng và CCDV	3,435,758,416	99.9995	2,945,477,000	99.997	1,860,105,444	99.999
DT HĐ tài chính	17,086	0.0005	88,548	0.003	10,212	0.001
TN khác	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Theo bảng 2.3 ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chính là nguồn thu chính của công ty, cụ thể tỷ trọng của chỉ tiêu này luôn chiếm tỷ rất cao, trên 99% trong cả 3 năm liên tiếp và tương đối ổn định. Bên cạnh đó thì doanh thu từ thu nhập khác gần như không có đóng góp cho công ty, chỉ có doanh

thu từ hoạt động tài chính có đóng góp 1 phần nhỏ, tuy không nhiều nhưng cũng góp phần tạo lên nguồn thu cho công ty, mặc dù còn hơi hạn chế.

Doanh thu của doanh nghiệp trong giai đoạn 2022–2024 cho thấy xu hướng giảm mạnh và kéo dài. Mặc dù cơ cấu doanh thu ổn định và phản ánh đúng bản chất ngành nghề, nhưng tốc độ suy giảm lớn đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường và tìm kiếm phân khúc doanh thu bổ sung nhằm ổn định và phát triển bền vững trong thời gian tới.

2.2.5. Phân tích chi phí và cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Bảng 2.4: Bảng phân tích Cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

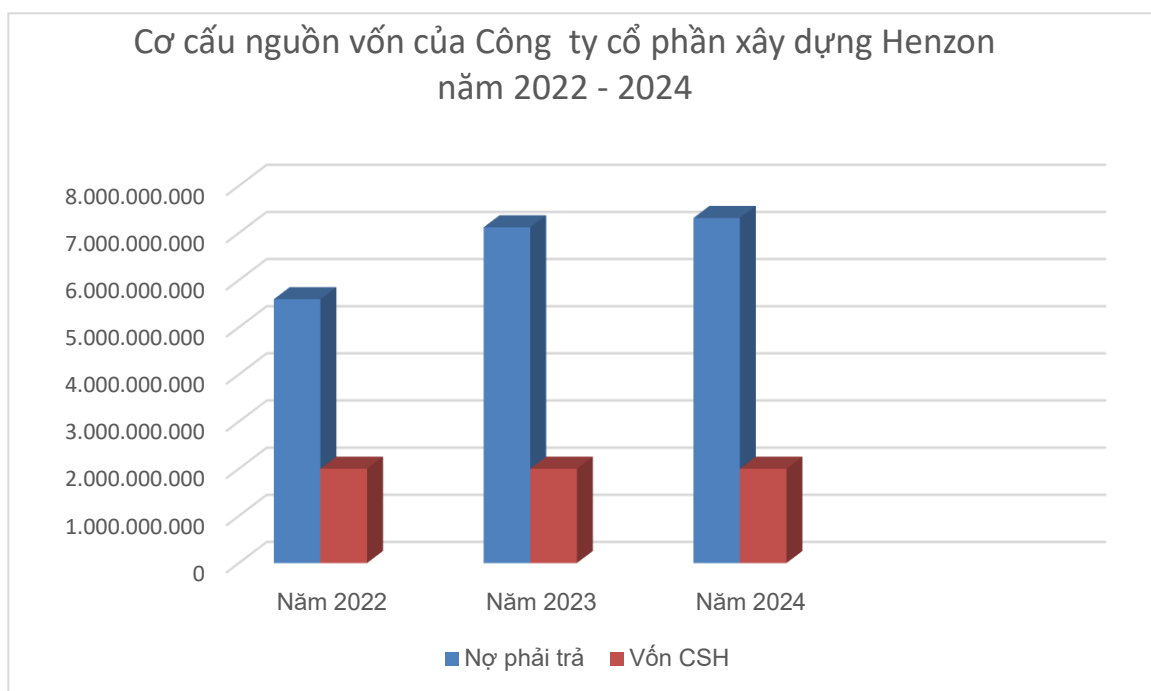
(Đơn vị: đồng)

NGUỒN VỐN	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
A. Nợ phải trả	5,595,997,138	74	7,119,960,091	78	7,317,698,104	78
I. Nợ ngắn hạn	5,595,997,138	74.09	7,119,960,091	78	7,317,698,104	78
II. Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
B. Nguồn vốn	2,000,000,000	26	2,000,000,000	22	2,000,000,000	22
I. Vốn chủ sở hữu	2,000,000,000	26.48	2,000,000,000	22	2,000,000,000	21
II. Nguồn kinh phí và quỹ	-	-	-	-	-	-
III. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(43,318,629)	(0.57)	(10,412,798)	(0.11)	11,191,519	0.12
Tổng NV	7,552,678,509	100	9,109,547,293	100	9,328,889,623	100

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Tổng nguồn vốn của Công ty năm 2024 tăng 1.776.221 đồng so với năm 2022. Theo bảng phân tích kết cấu nguồn vốn trên, ta thấy năm 2024, cứ 100 đồng tài sản thì nợ phải trả là 78 đồng (trong đó nợ ngắn hạn là 78 đồng) và vốn chủ sở hữu là 21 đồng. Điều đó cho thấy năm 2024 Công ty chưa có sự tự chủ về vốn và dựa phần lớn về vốn vay. Việc bắt đầu có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dương năm 2024 là tín hiệu tích cực, nhưng quy mô còn rất nhỏ so với tổng nguồn

vốn. Cần tăng cường vốn chủ sở hữu (qua góp vốn thêm hoặc giữ lại lợi nhuận) để cải thiện tính tự chủ tài chính, giảm rủi ro thanh toán.



Sơ đồ 2: Sơ đồ cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Henzon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Henzon)

Tình hình nguồn vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng Henzon trong giai đoạn 2022–2024 cho thấy doanh nghiệp đang duy trì ổn định quy mô tài sản, song vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay ngắn hạn.

Để nâng cao khả năng tự chủ và giảm rủi ro tài chính, công ty cần:

- Tăng vốn điều lệ hoặc huy động thêm vốn góp từ cổ đông, nhằm cải thiện tỷ trọng vốn chủ sở hữu.
- Đa dạng hóa nguồn vốn vay, đặc biệt là vốn dài hạn, để đầu tư vào thiết bị, máy móc và công nghệ xây dựng.
- Kiểm soát chặt chẽ công nợ phải trả và nợ ngắn hạn, tránh tình trạng mất cân đối dòng tiền.
- Tăng cường lợi nhuận giữ lại, hạn chế chia cổ tức trong giai đoạn cần tích lũy.
- Lập kế hoạch tài chính trung và dài hạn, cân đối giữa an toàn tài chính và tăng trưởng vốn lưu động.

Giá vốn

Bảng 2.5. Bảng thực trạng giá vốn của Công ty cổ phần Hezcon năm 2022 – 2024

(Đơn vị tính: đồng)

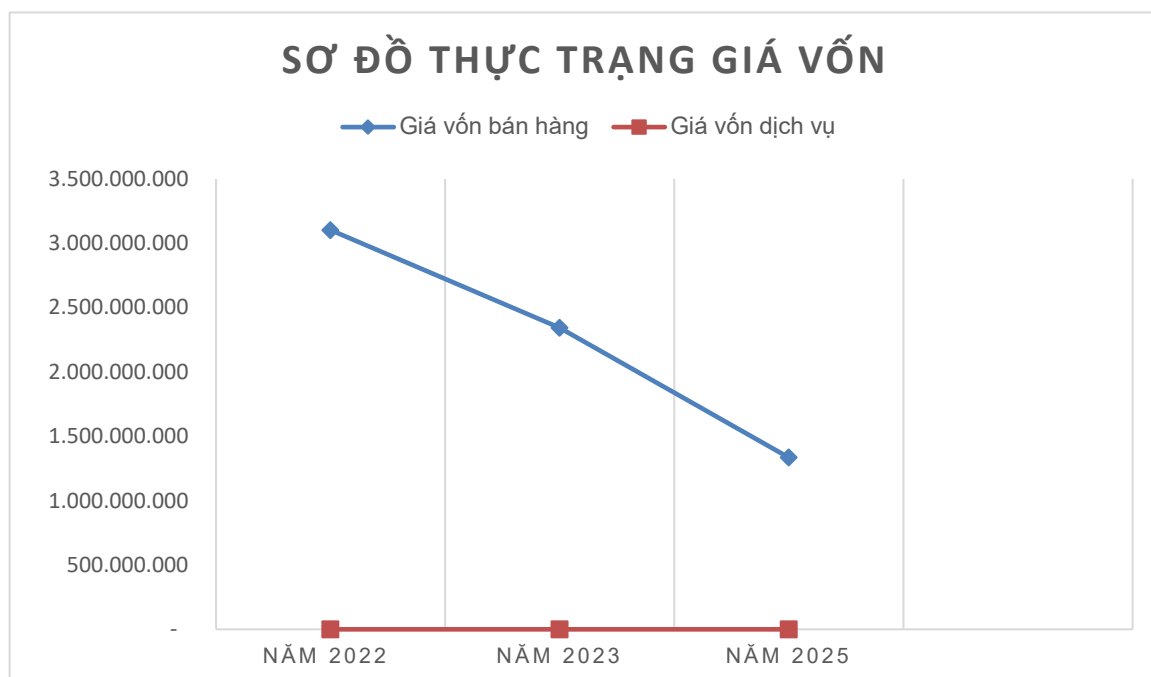
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	Số tiền	Số tiền	Số tiền
Giá vốn	3,102,591,938	2,344,246,314	1,334,762,380
Giá vốn bán hàng	3,102,591,938	2,344,246,314	1,334,762,380
Giá vốn dịch vụ	-	-	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Cơ cấu giá vốn của doanh nghiệp trong giai đoạn 2022–2024 thể hiện tính ổn định cao và không có sự thay đổi đáng kể giữa các năm. Toàn bộ giá vốn ghi nhận trong ba năm đều xuất phát từ giá vốn bán hàng, trong khi giá vốn dịch vụ hoàn toàn không phát sinh. Điều này phản ánh rõ đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp: tập trung gần như tuyệt đối vào hoạt động thi công xây dựng hoặc cung cấp sản phẩm, không triển khai hoặc không ghi nhận doanh thu từ mảng dịch vụ.

Trong năm 2022, giá vốn đạt 3.102,59 tỷ đồng, toàn bộ thuộc giá vốn bán hàng (100%). Sang năm 2023 và 2024, mặc dù tổng giá vốn giảm lần lượt xuống 2.344,25 tỷ đồng và 1.334,76 tỷ đồng, nhưng cơ cấu vẫn giữ nguyên, khi 100% giá vốn tiếp tục đến từ hoạt động bán hàng. Sự ổn định tuyệt đối trong cơ cấu này cho thấy doanh nghiệp có mô hình kinh doanh ít đa dạng, phụ thuộc hoàn toàn vào một nguồn hoạt động chính.

Từ góc độ hiệu quả kinh doanh, việc cơ cấu giá vốn không có dịch vụ cho thấy doanh nghiệp chưa mở rộng sang các hoạt động có biên lợi nhuận cao hơn như tư vấn kỹ thuật, thiết kế, giám sát, cho thuê thiết bị hoặc các dịch vụ hỗ trợ xây dựng khác. Do đó, cơ cấu giá vốn đơn giản này vừa thể hiện sự tập trung vào ngành nghề cốt lõi, nhưng cũng đồng thời phản ánh mức độ rủi ro cao do thiếu tính đa dạng hóa, khiến doanh nghiệp dễ bị tác động khi thị trường xây dựng biến động.



Sơ đồ 3: Sơ đồ thực trạng giá vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Chi phí

Bảng 2.6: Bảng Chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

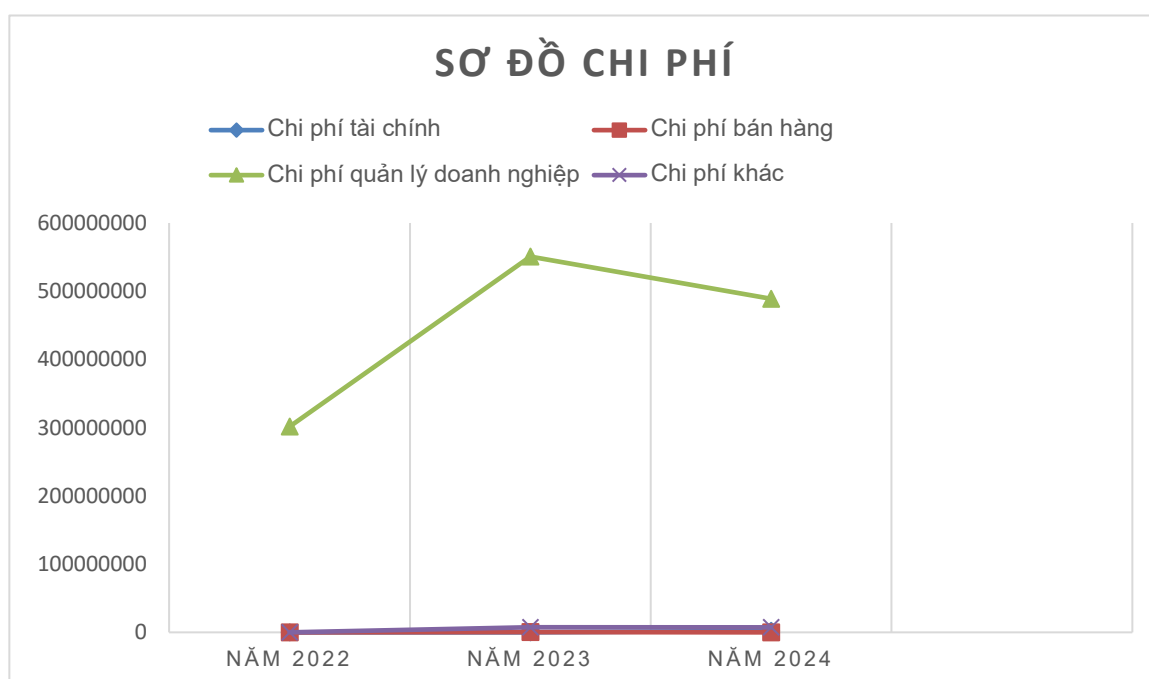
(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tổng chi phí	301,468,128	100	558,377,622	100	498,347,880	100
Chi phí tài chính	-	-	-	-	2,136,986	0.43
Chi phí bán hàng	-	-	387,591	0.07	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	301,468,128	100	550,752,725	98.63	488,898,385	98.104
Chi phí khác	-	-	7,237,306	1.30	7,312,509	1.47

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Theo như số liệu bảng 2.6 ta thấy, tổng chi phí trong cả 3 năm đều duy trì ở mức được kiểm soát, có sự điều chỉnh ở năm 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp

chiếm tỷ trọng áp đảo, duy trì trên 98% tổng chi phí, phản ánh cơ cấu chi phí thiếu cân đối và có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Doanh nghiệp cần xem xét tái cấu trúc bộ máy, tối ưu hóa nhân sự và quy trình nhằm giảm gánh nặng chi phí quản trị. Chi phí tài chính bắt đầu xuất hiện từ năm 2024, cho thấy doanh nghiệp có dấu hiệu huy động vốn. Đây có thể là tín hiệu tích cực nếu vốn được sử dụng hiệu quả, nhưng cũng cần theo dõi để tránh tổn thất tài chính trong tương lai. Chi phí bán hàng thấp và không ổn định, phản ánh hoạt động marketing – bán hàng chưa được đầu tư đúng mức. Đây cũng là điểm đặc thù của ngành xây dựng, điều này có thể ảnh hưởng tới khả năng mở rộng thị trường. Chi phí khác tuy nhỏ nhưng tăng nhẹ qua các năm, hàm chứa nguy cơ phát sinh các khoản chi không kiểm soát, làm giảm hiệu quả tổng thể.



Sơ đồ 4: Sơ đồ chi phí của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

2.2.6. Phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Bảng 2.7: Bảng phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
Tổng DT	3,435,775,502	100	2,945,565,548	100	1,860,115,656	100
LNTT	31,715,436	0.92	42,991,802	1.46	27,005,396	1.45
LNST	25,372,349	0.74	32,956,018	1.12	21,604,317	1.16

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

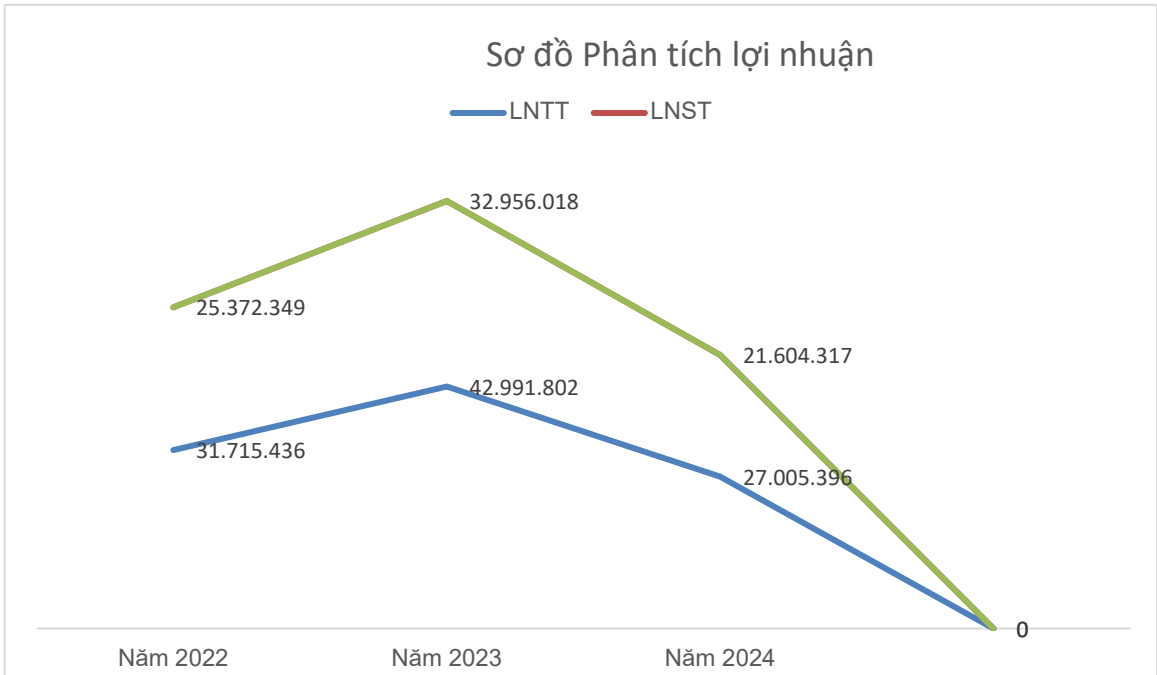
Năm 2022 tổng DT đạt 3,435,775,502 đồng, LNTT đạt 31,715,436 đồng chiếm 0.92% tổng doanh thu, LNST đạt 25,372,349 đồng, đây cũng được coi như một trong những cột mốc thành công mà công ty đã đạt được trong năm 2022.

Năm 2023 tổng DT đạt 2,945,565,548 đồng, LNTT đạt 42,991,802 đồng, LNST đạt 32,956,018 đồng. So với năm 2022 thì năm tổng DT của năm 2023 đã giảm 490,209,954 đồng, tuy nhiên LNTT tăng 11,276,366 đồng và LNST tăng 7,583,669 đồng, điều này cho thấy doanh nghiệp đã kiểm soát chi phí tốt hơn, đặc biệt là chi phí quản lý và chi phí sản xuất. Cơ cấu doanh thu cải thiện theo hướng: tập trung vào các hợp đồng có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, tối ưu hóa chi phí đầu vào, không còn các khoản mục thua lỗ trước thuế như ở các năm trước.

Năm 2024 tổng DT đạt 1,860,115,656 đồng thấp nhất trong 3 năm, LNTT đạt 27,005,396 đồng, LNST đạt 21,604,317 đồng. So với năm 2023 thì năm tổng DT của năm 2024 đã giảm 1,085,449,892 đồng, LNTT giảm 15,986,406 đồng và LNST giảm 11,351,701 đồng. LNST giai đoạn này không biến động mạnh theo doanh thu, chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng thích nghi tốt với sự thay đổi của thị trường. Khả năng tối ưu hóa các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý hoặc giảm các khoản chi ngoài dự kiến được thực hiện hiệu quả.

Giai đoạn 2022–2024 phản ánh bức tranh kinh doanh của doanh nghiệp với sự suy giảm về doanh thu nhưng cải thiện về hiệu quả lợi nhuận. Các chỉ số LNTT và LNST cho thấy doanh nghiệp đã có sự điều chỉnh tích cực trong quản trị chi phí, đảm bảo duy trì lợi nhuận tương đối ổn định. Tuy nhiên, để đảm bảo tăng

trường bền vững, doanh nghiệp cần chú trọng vào chiến lược mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa nguồn doanh thu nhằm khắc phục tình trạng doanh thu suy giảm trong thời gian qua.



Sơ đồ 5: Sơ đồ Phân tích lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

2.3. Phân tích các tỷ suất hiệu quả kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.

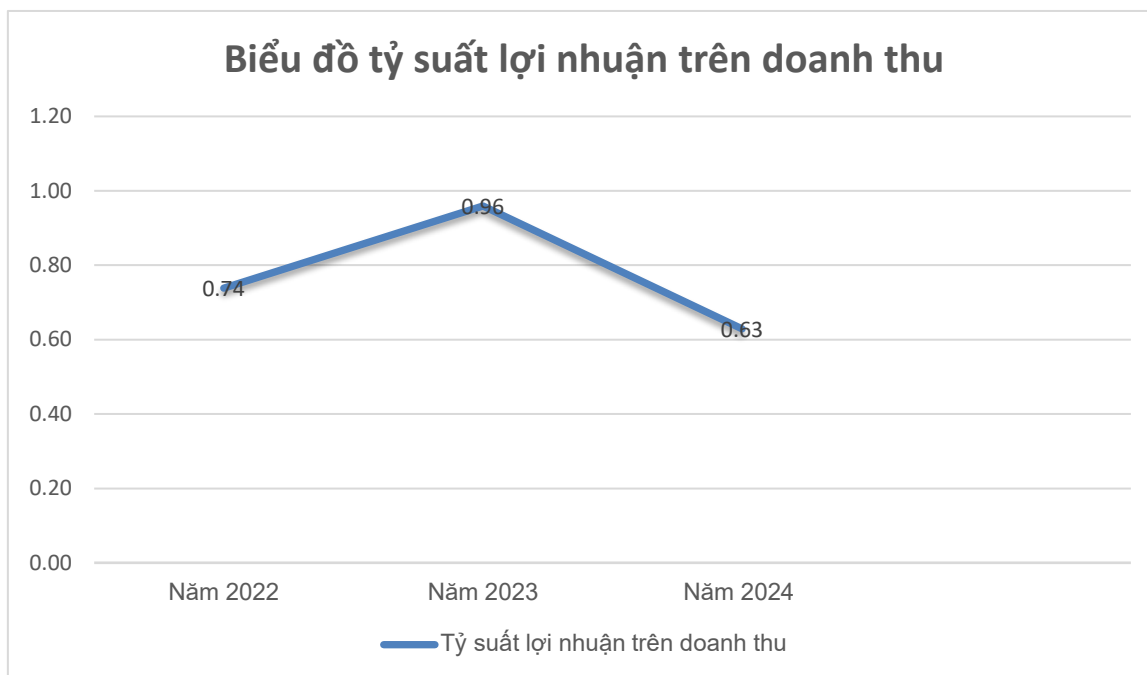
Bảng 2.8: Bảng các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	0.74	0.96	0.63
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	%	0.00	0.00	7.23
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	1.31	1.67	1.08

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)

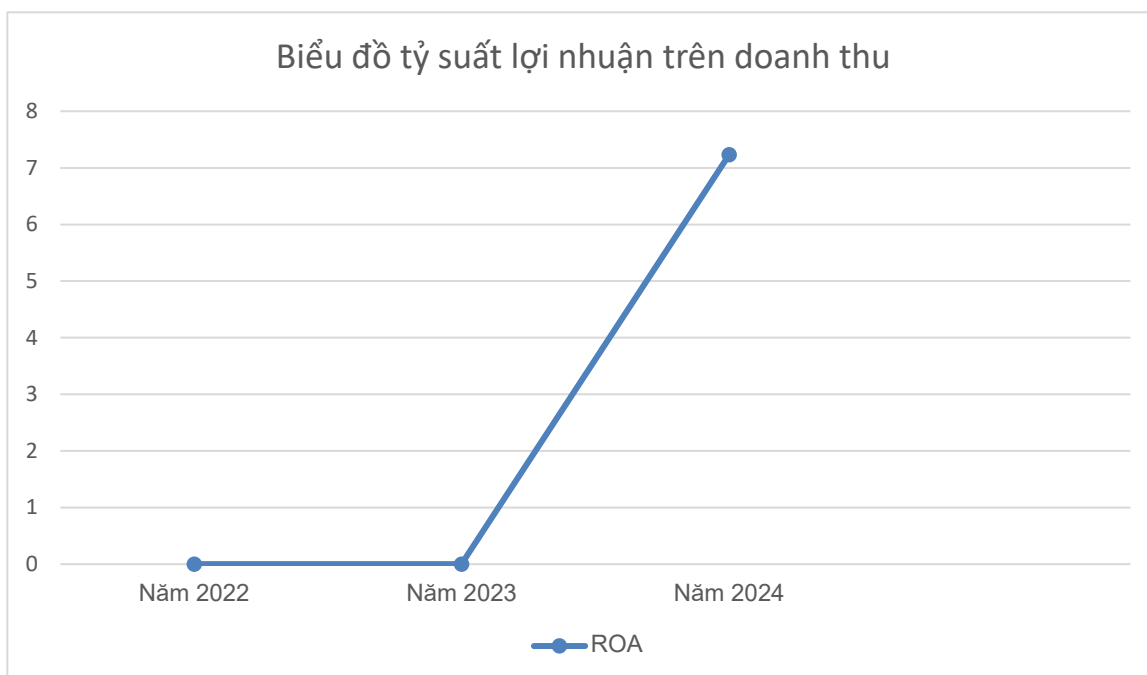


Sơ đồ 6: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) của doanh nghiệp có sự biến động qua các năm. Cụ thể, năm 2022 đạt 0,74%, sang năm 2023 tăng nhẹ lên 0,96%, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện, công ty nhận được nhiều dự án lớn như: Cầu Hoàng Văn Thụ - Khu Đô thị Bắc Sông Cấm; Trụ sở làm việc Chi cục thuế An Dương; KCN Vsip, Thủy Nguyên, Hải Phòng... Ngoài ra, ta thấy được rằng doanh nghiệp kiểm soát chi phí tốt hơn và tạo ra nhiều lợi nhuận hơn trên mỗi đồng doanh thu. Tuy nhiên, đến năm 2024, ROS giảm xuống còn 0,63%, phản ánh biên lợi nhuận bị thu hẹp, có thể do chi phí tăng hoặc doanh thu giảm trong khi lợi nhuận chưa được cải thiện tương ứng. Các chi phí về quản lý, cũng như các chi phí khác tăng cao dẫn đến phần doanh thu thuần thụt giảm, tương ứng với đó ROS cũng giảm theo. Biểu đồ cho thấy ROS của công ty tăng mạnh năm 2023 rồi sụt giảm mạnh năm 2024, dẫn tới mức ROS 2024 chỉ còn 63%, thấp hơn 2023 và thấp hơn cả 2022 về tỷ lệ tương đối. Tình trạng này cảnh báo công ty cần điều tra nguyên nhân sâu (giá vốn, chi phí, doanh thu, khoản bất thường) và hành động khẩn trương để ổn định và cải thiện biên lợi nhuận.

- Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)

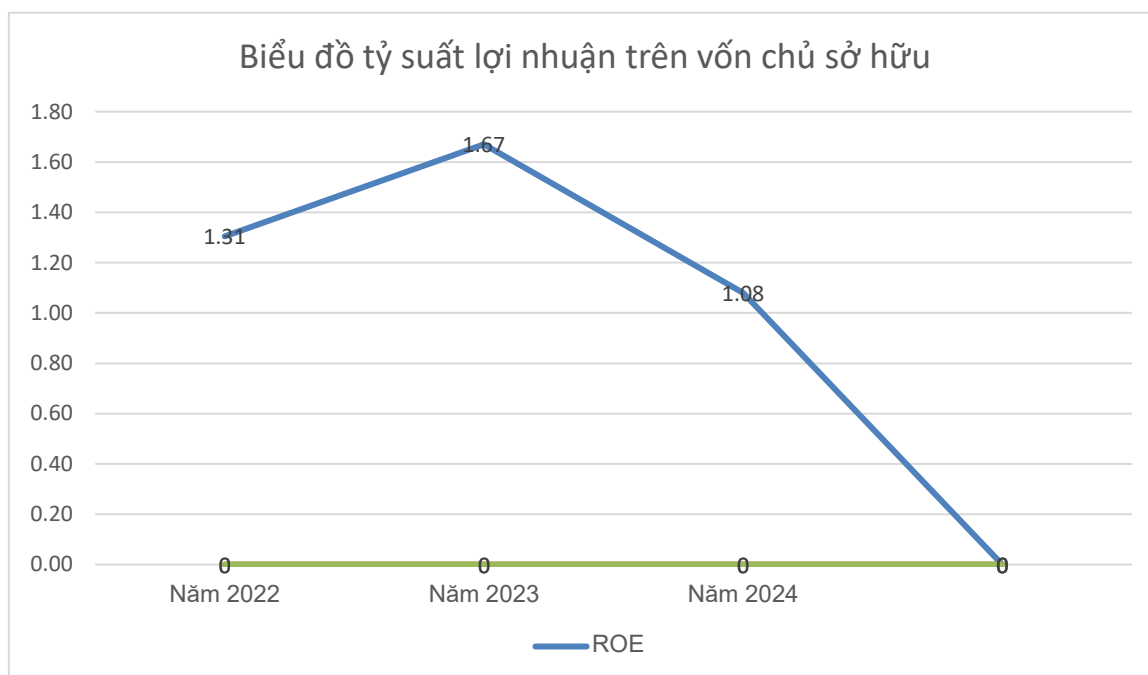


Sơ đồ 7: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Năm 2022 – 2023, ROA duy trì ở mức thấp (bằng 0) điều này cho thấy trong suốt 2 năm doanh nghiệp gần như không thu được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, hoặc lợi nhuận gần như ở mức hòa vốn so với doanh thu. Năm 2024, tỷ suất lợi nhuận đã tăng từ 0% lên 7.2%, sự gia tăng đột ngột và mạnh mẽ này cho thấy hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đã cải thiện đáng kể trong năm 2024: Mỗi 100 đơn vị doanh thu tạo ra được 7 đơn vị lợi nhuận. Doanh nghiệp đã kiểm soát chi phí tốt hơn, hoặc đã tăng giá bán, hoặc cơ cấu doanh thu đã chuyển sang các sản phẩm/dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn.

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)



Sơ đồ 8: Sơ đồ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CHS của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Năm 2022, ROE ở mức 1.31%, đây là mức sinh lời cơ bản trên vốn đầu tư của chủ sở hữu. Năm 2023, ROE ở mức tăng đỉnh điểm 1.67%, đây là mức tăng cao nhất trong 3 năm. Sự tăng trưởng từ 1.31% lên 1.67% cho thấy doanh nghiệp đã sử dụng vốn của cổ đông (vốn chủ sở hữu) hiệu quả hơn trong việc tạo ra lợi nhuận trong năm 2023 so với năm 2022. Điều này phản ánh khả năng sinh lời đang được cải thiện. Năm 2024, ROE sụt giảm mạnh mẽ, từ 1.67% xuống còn 0%, sự sụt giảm không chỉ là giảm về tỷ lệ mà còn về mức độ, cho thấy một vấn đề nghiêm trọng. Cụ thể, từ mức sinh lời tốt, doanh nghiệp đã không còn tạo ra lợi nhuận tương xứng với vốn chủ sở hữu. Nó cho thấy lợi nhuận ròng đã biến mất hoàn toàn, khiến cho việc đầu tư vào vốn chủ sở hữu không mang lại bất kỳ lợi ích tài chính nào trong năm đó.

2.4. Phân tích tình hình tài chính trọng tâm của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Bảng 2.9: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

(Đơn vị: đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3,435,758,416	2,945,477,000	1,860,105,444
2	Các khoản thu giảm trừ	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	3,435,758,416	2,945,477,000	1,860,105,444
4	Giá vốn	3,102,591,938	2,336,296,502	1,334,762,380
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp DV	333,166,478	609,180,498	525,343,064
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17,086	88,548	10,212
7	Chi phí tài chính			2,136,986
8	Chi phí quản lý	301,468,128	559,090,126	488,898,385
9	Lợi nhuận thuần HĐKD	31,715,436	50,178,920	34,317,905
10	Thu nhập khác	-	-	-
11	Chi phí khác	-	7,237,306	7,312,509
12	Lợi nhuận khác	-	(7,237,306)	(7,312,509)
13	Tổng LN trước thuế	31,715,436	42,941,614	27,005,396
14	Chi phí thuế thu nhập DN	6,343,087	10,035,784	5,401,079.20
15	Lợi nhuận sau thuế	25,372,349	32,905,830	21,604,317

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty có xu hướng giảm mạnh qua 3 năm.

- Cụ thể, năm 2022 đạt 3.435,76 triệu đồng, năm 2023 giảm còn 2.945,48 triệu đồng (giảm 490,28 triệu đồng, tương đương 14,3%), và đến năm 2024 chỉ

còn 1.860,11 triệu đồng (giảm 1.085,37 triệu đồng, tương đương 36,8% so với năm 2023).

- → Điều này cho thấy quy mô hoạt động của công ty đang bị thu hẹp, có thể do thị trường xây dựng suy giảm hoặc công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm dự án mới.

- Giá vốn hàng bán cũng giảm tương ứng với doanh thu, từ 3.102,59 triệu đồng (2022) xuống 1.334,76 triệu đồng (2024). Tuy nhiên, tốc độ giảm của giá vốn nhanh hơn doanh thu, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng trong năm 2023 và 2024.

- Lợi nhuận gộp năm 2022 đạt 333,17 triệu đồng, tăng lên 609,18 triệu đồng năm 2023 (tăng 82,8%), sau đó giảm nhẹ xuống 525,34 triệu đồng năm 2024. → Mặc dù doanh thu giảm, nhưng biên lợi nhuận gộp có cải thiện trong năm 2023 nhờ kiểm soát tốt chi phí vật tư và nhân công.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh từ 301,47 triệu đồng (2022) lên 559,09 triệu đồng (2023) (tăng 85,4%), rồi giảm còn 488,90 triệu đồng (2024). → Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận sau thuế, cho thấy công ty cần rà soát lại công tác quản trị chi phí.

- Chi phí tài chính xuất hiện rõ nhất vào năm 2024 với giá trị 2,14 triệu đồng, phản ánh việc công ty bắt đầu có phát sinh lãi vay hoặc đầu tư tài chính nhỏ.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh có xu hướng dao động, tăng từ 31,72 triệu đồng (2022) lên 50,18 triệu đồng (2023) (tăng 58,2%), nhưng lại giảm còn 34,32 triệu đồng (2024) (giảm 31,6%).

- → Biến động này cho thấy hiệu quả kinh doanh chưa ổn định, phụ thuộc nhiều vào yếu tố chi phí và khối lượng công trình.

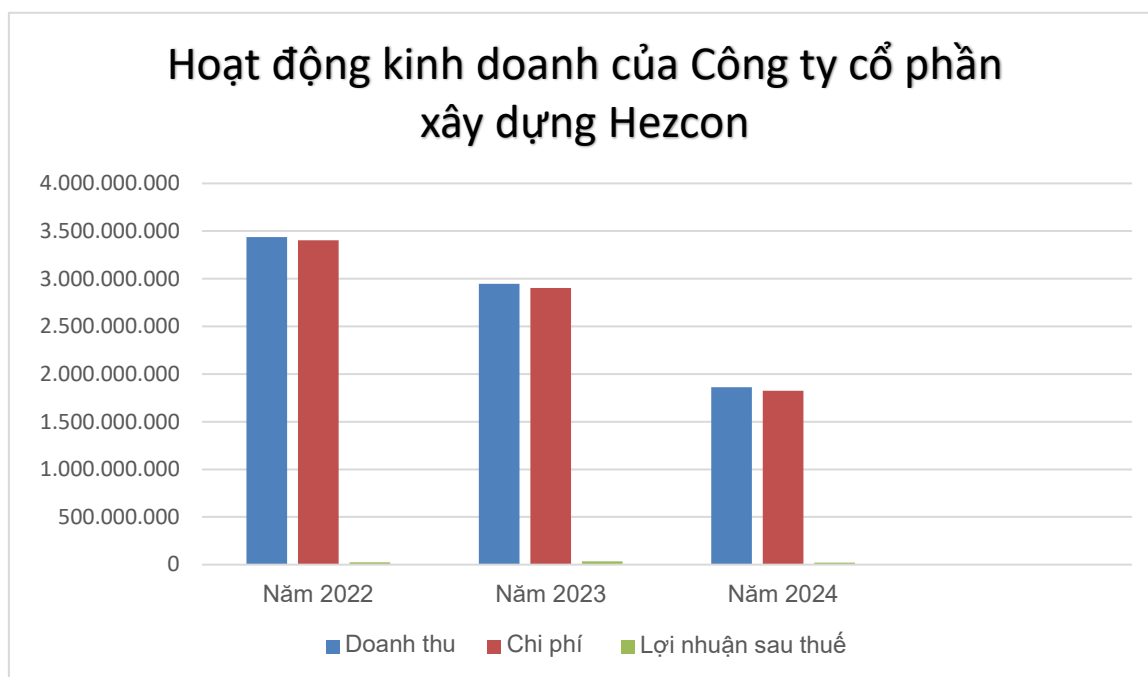
- Lợi nhuận sau thuế có xu hướng tương tự:

➤ Năm 2022: 25,37 triệu đồng

➤ Năm 2023: 32,91 triệu đồng (tăng 7,54 triệu đồng, tương ứng 29,7%)

➤ Năm 2024: 21,60 triệu đồng (giảm 11,30 triệu đồng, tương ứng 34,4%)

→ Điều này cho thấy dù doanh nghiệp vẫn duy trì lợi nhuận, nhưng khả năng sinh lời đang giảm dần, cần có giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng chi phí và mở rộng thị trường.



Sơ đồ 9: Sơ đồ Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Cơ cấu tài sản cho thấy công ty vẫn duy trì hoạt động có lãi, nhưng biên lợi nhuận thấp (< 2%).

Cần xem xét nguyên nhân sụt giảm doanh thu – có thể do giảm hoạt động xây dựng, giá nguyên vật liệu tăng hoặc cạnh tranh hơn.

2.4.1. Khả năng thanh toán của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon.

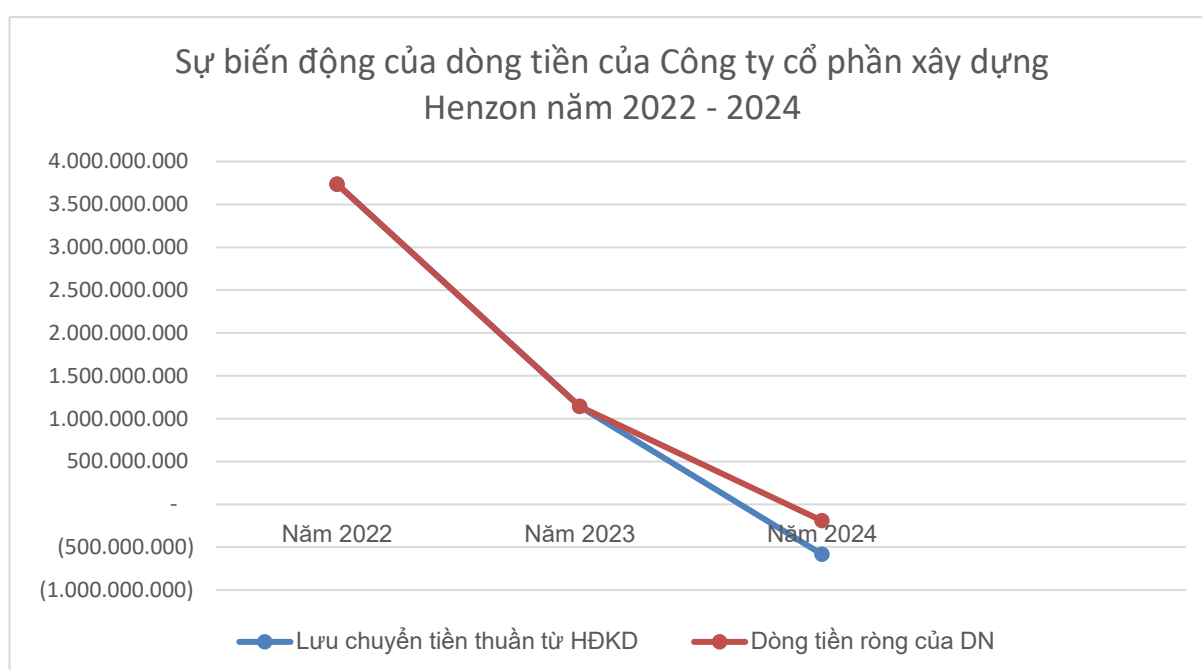
Bảng 2.10: Bảng phân tích sự biến động dòng tiền của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Đơn vị tính: đồng)

Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch năm 2022 - 2023		Chênh lệch năm 2023 - 2024	
				Số tiền	Tỉ lệ (%)	Số tiền	Tỉ lệ (%)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	3,735,617,314	1,140,429,453	-584,144,748	(2,595,187,861)	(69.47)	(1,724,574,201)	(151.22)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-	-	-	-	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-	391,666,667	-	-	391,666,667	-
Dòng tiền ròng của doanh nghiệp	3,735,617,314	1,140,429,453	(192,478,081)	(2,595,187,861)	(69.47)	(1,332,907,534)	(116.88)

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Doanh thu của doanh nghiệp từ năm 2022 – 2024 đều giảm mạnh. Cụ thể doanh thu năm 2022 là 3,735,617,314 đồng nhưng sang năm 2023 doanh thu giảm 2,595,187,861 đồng tương ứng với tỷ lệ 69.47%. Sang năm 2024 doanh thu của công ty vẫn giảm so với năm 2023 là 1,724,547,201 đồng, tương ứng với tỷ lệ là 151.22%. Doanh thu của công ty chủ yếu đến các hoạt động thi công cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, công trình giao thông và các công trình nghỉ dưỡng khác. Năm 2023 và 2024 công ty trúng thầu nhiều dự án thi công với số vốn đầu tư lớn trọng điểm của thành phố nên việc thu hồi vốn rất tốt. Tuy nhiên, doanh thu của công ty vẫn giảm chủ yếu là do các hoạt động chi trả cho các đối tác, tiền lương cho người lao động và các hoạt động khác trong doanh nghiệp.



Sơ đồ 10: Sơ đồ Sự biến động của dòng tiền của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Dòng tiền của công ty có dấu hiệu giảm mạnh, đặc biệt là năm 2024 dòng tiền âm, cũng vào năm 2024 công ty phát sinh dòng tiền thuần dương 391,666,667 đồng, điều này là do công ty phát sinh thêm khoản vay 400,000,000 đồng để bù đắp các thiếu hụt trong hoạt động tài chính. Tuy nhiên, nhìn vào điểm tích cực ta có thể thấy rằng công ty vẫn duy trì dòng tiền dương trong hai năm 2022 – 2023, phản ánh giai đoạn hoạt động ổn định. Việc xuất hiện dòng tiền dương trong năm 2024 cho thấy công ty vẫn đủ khả năng huy động tiềm lực bên ngoài để duy trì hoạt động.

Qua phân tích trên, có thể thấy giai đoạn 2022–2024, Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon đang trải qua sự suy giảm đáng kể trong hiệu quả tài chính. Từ vị thế doanh nghiệp có dòng tiền dương mạnh mẽ (2022), công ty đã chuyển sang tình trạng dòng tiền âm (2024) – báo hiệu nguy cơ mất cân đối tài chính nếu không có các biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Nợ ngắn hạn

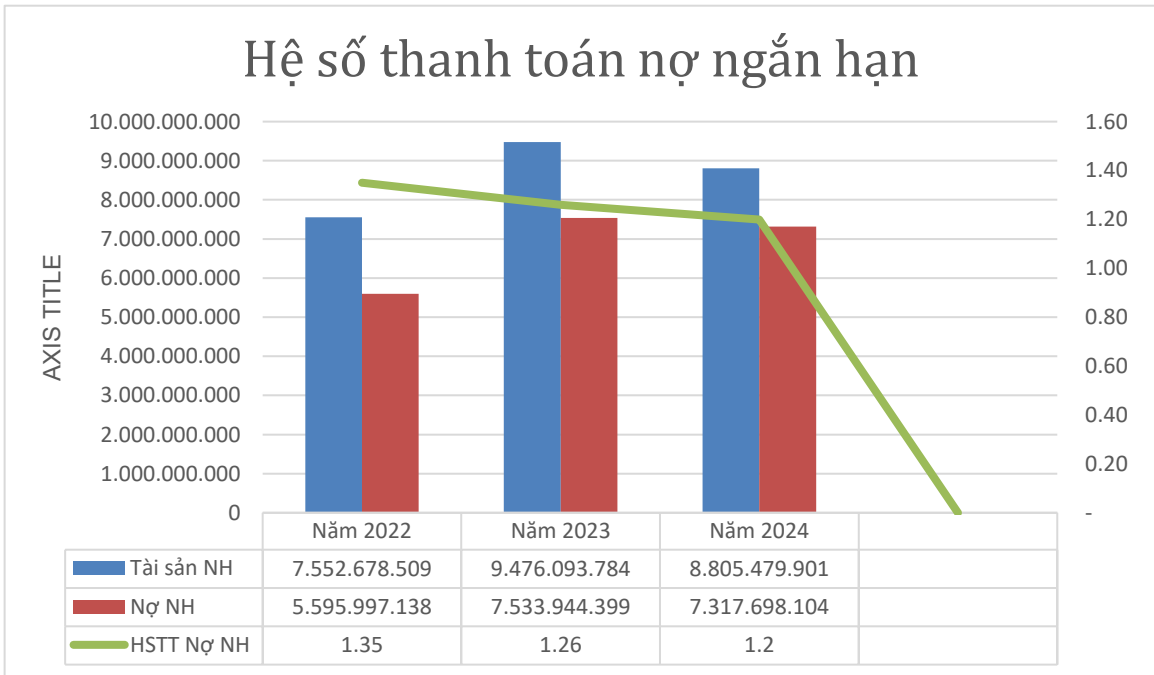
Bảng 2.11: Bảng phân tích hệ số thanh toán nợ ngắn hạn

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tài sản NH	7,552,678,509	9,476,093,784	8,805,479,901
2. Nợ ngắn hạn	5,595,997,138	7,533,944,399	7,317,698,104
3. Hệ số thanh toán nợ NH	1.35	1.26	1.20

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Trong 3 năm từ 2022 – 2024, hệ số thanh toán ngắn hạn của doanh nghiệp giao động trong khoảng 1.35 – 1.20. Hệ số thanh toán trong 3 năm giảm, đặc biệt trong năm 2024 giảm thấp nhất còn 1.20, điều này cho thấy tài sản ngắn hạn giảm mà nợ ngắn hạn lại tăng. Tuy nhiên tử số vẫn lớn hơn 1, có nghĩa là công ty vẫn có khả năng hoàn thành nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn hiện có, tình hình tài chính của công ty an toàn, lành mạnh.



Sơ đồ 11: Sơ đồ Hệ số nợ ngắn hạn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Hệ số thanh toán

Bảng 2.12: Hệ số thanh toán nhanh

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tài sản NH - Hàng tồn kho	1,216,235,578	1,014,040,115	769,242,942
2. Nợ ngắn hạn	5,595,997,138	7,533,944,399	7,317,698,104
3. Hệ số thanh toán nhanh	0.22	0.13	0.11

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Qua bảng số liệu trên ta thấy được rằng năm 2022 hệ số thanh toán nhanh đạt 0.22, nghĩa là cứ 1 đồng nợ ngắn hạn, công ty có 0,22 đồng tài sản có thể nhanh chóng chuyển đổi thành tiền (như tiền mặt, khoản phải thu, đầu tư ngắn hạn) để thanh toán. Mặc dù chưa đạt mức an toàn tài chính (thông thường ≥ 1), song hệ số này cho thấy công ty vẫn duy trì được khả năng thanh khoản tạm ổn, chủ yếu nhờ lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền khá lớn trong năm này. Năm 2023 hệ số giảm xuống 0.13, tức chỉ còn 0,13 đồng tài sản thanh khoản cho mỗi đồng nợ ngắn hạn. Nguyên nhân chính là do nợ ngắn hạn tăng mạnh lên 7.533 tỷ đồng, trong khi lượng tiền và tài sản lưu động khác không tăng tương ứng. Năm 2024 hệ số tiếp tục giảm còn 0.11, mức thấp nhất trong 3 năm. Cho thấy tình hình tài chính ngắn hạn rất đáng lo ngại, công ty gần như không đủ nguồn vốn lưu động thanh khoản cao để chi trả nợ ngắn hạn khi đến hạn. Dù nợ ngắn hạn có giảm nhẹ (từ 7.533 tỷ xuống 7.317 tỷ), song lượng tài sản có khả năng chuyển đổi nhanh thành tiền vẫn tiếp tục sụt giảm, dẫn tới hiệu quả thanh toán thấp.



Sơ đồ 12: Sơ đồ Hệ số thanh toán nhanh của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

2.4.1. Vòng quay hàng tồn kho

Bảng 2.13: Bảng kỳ thu tiền bình quân

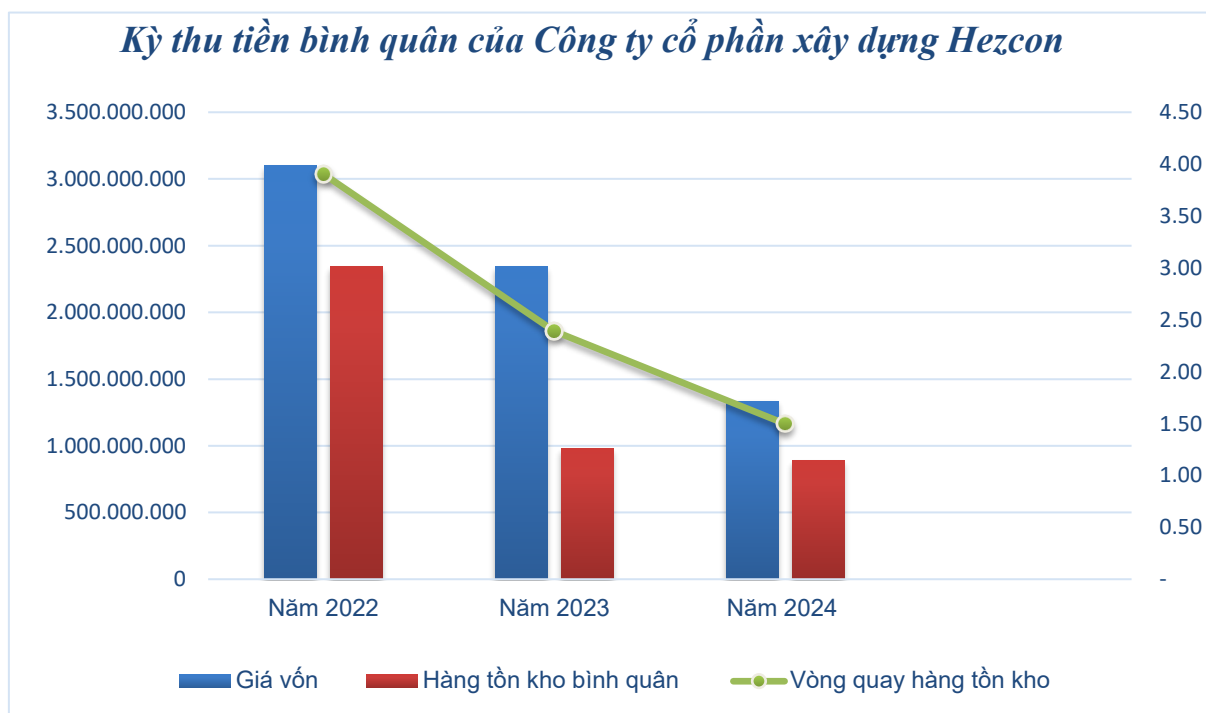
(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Giá vốn	3,102,591,938	2,344,246,314	1,334,762,380
2. Hàng tồn kho đầu kỳ	373,191,622	955,256,288	1,014,040,115
3. Hàng tồn kho cuối kỳ	1,216,235,578	1,006,090,303	769,242,942
4. Hàng tồn kho bình quân	794,713,600	980,673,296	891,641,529
3. Vòng quay hàng tồn kho	3.90	2.39	1.50

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Năm 2022 vòng quay hàng tồn kho đạt 3.90 lần, tức là trong năm, bình quân hàng tồn kho được luân chuyển hơn 3 lần. Đây là mức khá tốt trong ngành xây dựng, thể hiện khả năng quản lý hàng hóa và luân chuyển nguyên vật liệu

tương đối hiệu quả. Mức tồn kho cuối kỳ (1,216 tỷ đồng) cao hơn đầu kỳ (373 triệu đồng), cho thấy công ty tăng dự trữ nguyên vật liệu để phục vụ các dự án thi công hoặc chuẩn bị cho nhu cầu sản xuất năm sau. Năm 2023 vòng quay hàng tồn kho giảm xuống còn 3.39 lần. Điều này cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm lại, vốn bị ứ đọng nhiều hơn trong kho. Nguyên nhân có thể do: Giá vốn giảm (từ 3,102 tỷ → 2,344 tỷ); Hoặc các dự án xây dựng triển khai chậm tiến độ, khiến nguyên vật liệu chưa được sử dụng kịp thời. Việc giảm tốc độ vòng quay tồn kho thể hiện hiệu quả sử dụng vốn lưu động kém hơn, ảnh hưởng tới khả năng thanh toán và dòng tiền của doanh nghiệp. Năm 2024 vòng quay hàng tồn kho tiếp tục giảm mạnh xuống 1.02 lần. Qua ba năm 2022–2024, vòng quay hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon giảm từ 3,90 xuống còn 1,50 lần, cho thấy hiệu quả quản lý hàng tồn kho và sử dụng vốn lưu động suy giảm nghiêm trọng.



Sơ đồ 13: Sơ đồ Kỳ thu tiền bình quân của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon
(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

2.4.2. Kỳ thu tiền bình quân (Hiệu quả sử dụng tài sản)

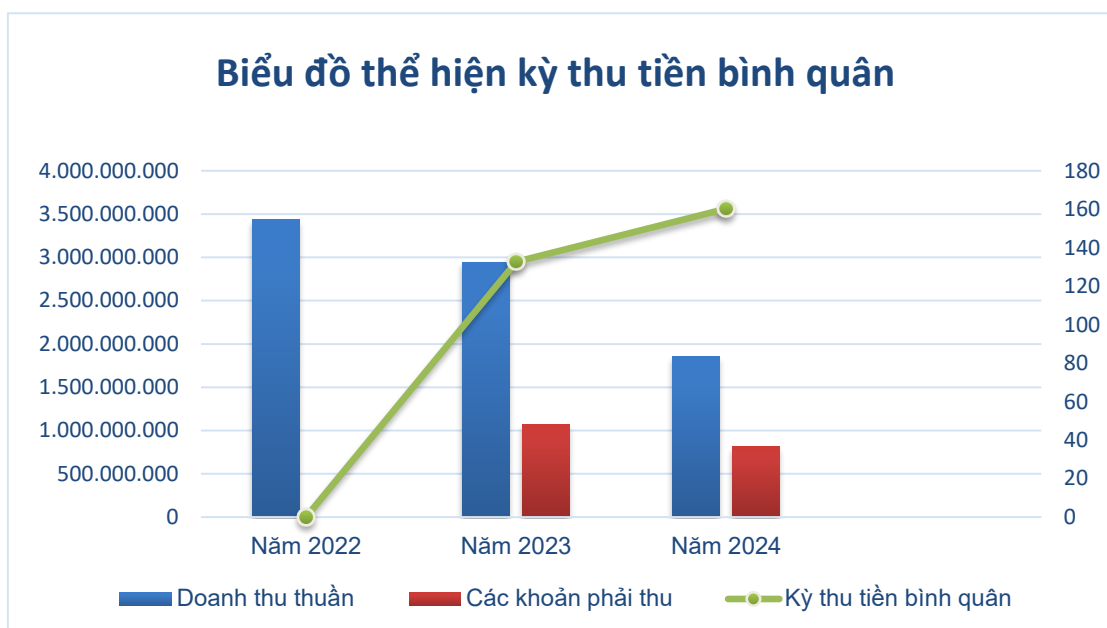
Bảng 2.13: Bảng kỳ thu tiền bình quân

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Doanh thu thuần	3,435,758,416	2,945,477,000	1,860,105,444
2. Các khoản phải thu	-	1,071,376,496	816,729,187
3. Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	-	132.76	160.26

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Trong giai đoạn 2022–2024, doanh thu thuần của doanh nghiệp có xu hướng giảm mạnh qua từng năm. Cụ thể, doanh thu năm 2023 giảm so với 2022 và tiếp tục giảm sâu hơn trong năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đang gặp khó khăn. Năm 2023, các khoản phải thu phát sinh ở mức cao (hơn 1,071 tỷ đồng), và mặc dù sang năm 2024 con số này đã giảm xuống còn 816 triệu đồng, nhưng do doanh thu giảm nhanh hơn nên kỳ thu tiền bình quân lại tăng lên — từ 132,76 ngày năm 2023 lên 160,26 ngày năm 2024. Điều này có nghĩa là doanh nghiệp đang thu tiền từ khách hàng chậm hơn, thời gian từ khi bán hàng đến khi thu được tiền kéo dài thêm gần 1 tháng so với năm trước. Nói cách khác, hiệu quả thu hồi công nợ bị giảm sút. Kỳ thu tiền tăng phản ánh rằng chính sách bán chịu của doanh nghiệp có thể còn lỏng lẻo, hoặc khách hàng gặp khó khăn trong thanh toán. Khi tiền thu về chậm, dòng tiền của doanh nghiệp bị ứ đọng, ảnh hưởng đến khả năng chi trả cho nhà cung cấp, trả lương, hoặc đầu tư cho sản xuất – kinh doanh.



Sơ đồ 14: Sơ đồ biểu hiện Kỳ thu tiền bình quân của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

2.4.3. Biên lợi nhuận

Bảng 2.14: Bảng biên lợi nhuận của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2023

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
DT thuần	3,435,758,416	100	2,945,477,000	100	1,860,105,444	100
LN gộp	333,166,478	9.70	601,230,686	20.41	525,343,064	28.24
LN hoạt động	31,715,436	0.92	50,178,918	1.70	34,317,905	1.84
LN ròng	25,372,349	0.74	32,956,018	1.12	27,005,396	1.452

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

➤ Biên lợi nhuận gộp

Biên lợi nhuận gộp cho biết cứ 100 đồng doanh thu thu được sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Như vậy, đối với công ty Hezcon năm 2022 100 đồng doanh thu sẽ thu lại được 9.70 đồng LN gộp; năm 2023 là 20.41 đồng LN gộp; cao nhất

là năm 2024 với 28.24 đồng LN gộp. Từ năm 2022 – 2024 ta thấy được rằng mặc dù doanh thu thuần giảm mạnh lên tới 45.9% nhưng LN gộp lại tăng về tỷ trọng cho thấy: Công ty cải thiện hiệu quả quản lý giá vốn, kiểm soát chi phí đầu vào tốt hơn; Quy mô doanh thu giảm nhưng chất lượng doanh thu lại tốt hơn.

➤ Biên lợi nhuận hoạt động

Lợi nhuận chính là lợi nhuận trước thuế và lãi vay. Như vậy biên lợi nhuận hoạt động cho biết, cứ 100 đồng doanh thu sẽ tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế và lãi vay. Tỷ số này càng cao thì doanh nghiệp có hiệu suất hoạt động cao.

Theo bảng 2.14 ta thấy, biên lợi nhuận hoạt động tcos xu hướng tăng đều và ổn định. Năm 2022 cứ 100 đồng doanh thu sẽ thu lại được 0.92 đồng LN hoạt động; năm 2023 sẽ thu được 1.70 đồng và năm 2024 thu được 1.84 đồng. Biên lợi nhuận hoạt động của Công ty có xu hướng tăng trưởng ổn định, phản ánh sự cải thiện tích cực trong hiệu quả quản trị chi phí. Tuy nhiên, mức biên lợi nhuận vẫn còn thấp, chưa tạo ra sức mạnh tài chính đủ lớn.

➤ Biên lợi nhuận ròng

Lợi nhuận ròng chính là lợi nhuận sau thuế, là lợi nhuận cuối cùng của một công ty. Biên lợi nhuận ròng cho ta biết, cứ 100 đồng từ doanh thu thì công ty sẽ giữ lại được bao nhiêu đồng. Đây là tỷ số cho biết năng lực sinh lời và kiểm soát chi phí thực sự của doanh nghiệp.

Năm 2022 công ty thu được 100 đồng doanh thu trong đó có 0.74 đồng lợi nhuận ròng; năm 2023 lợi nhuận ròng đạt 1.12 đồng; năm 2024 đạt 1.45 đồng. Nhìn vào 3 năm 2022 – 2024 ta thấy rằng, lợi nhuận ròng của công ty có xu hướng cải thiện rõ rệt về mặt tỷ trọng, phản ánh khả năng sinh lời cuối cùng tốt hơn qua từng năm. Tuy nhiên, lợi nhuận ròng tuyệt đối chưa ổn định, chịu ảnh hưởng mạnh bởi sự sụt giảm doanh thu.

2.4.4. Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

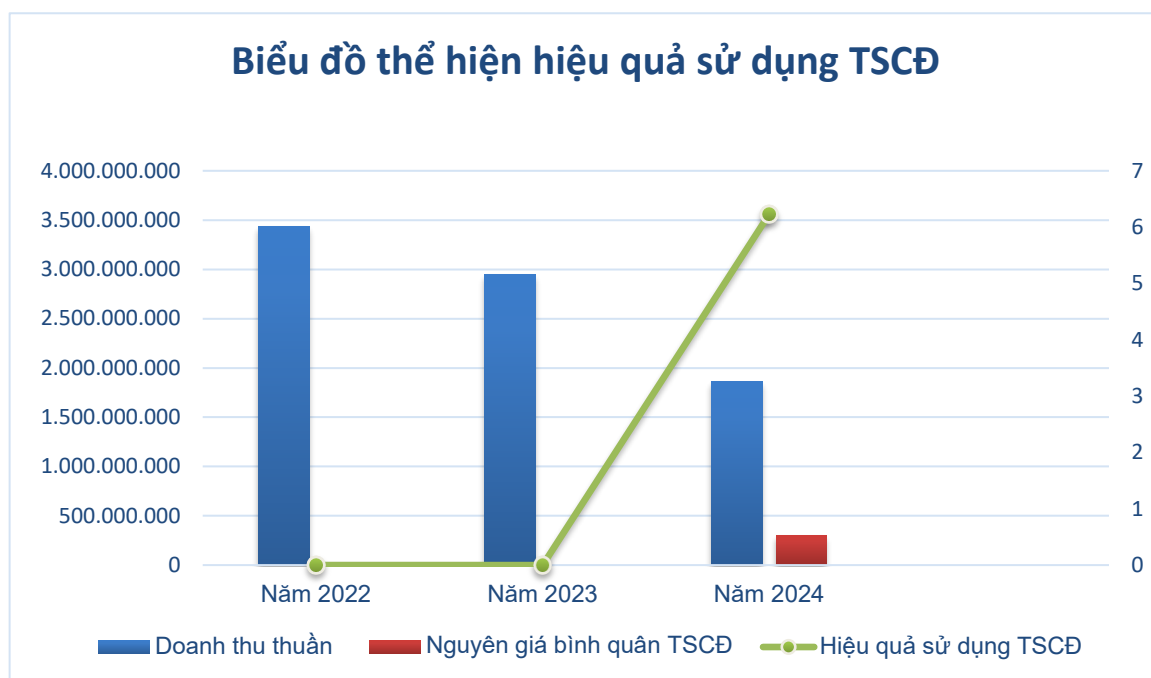
Bảng 2.15: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Doanh thu thuần	3,435,758,416	2,945,477,000	1,860,105,444
2. Tổng nguyên giá TSCĐ hiện đầu kỳ có	-	-	48,636,364
3. Tổng nguyên giá TSCĐ cuối kỳ	-	-	548,636,364
4. Nguyên giá bình quân TSCĐ	-	-	298,636,364
5. Hiệu quả sử dụng TSCĐ	-	-	6.23

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024, cơ cấu tài sản của doanh nghiệp có sự thay đổi rõ rệt, đặc biệt là ở nhóm tài sản cố định (TSCĐ). Cụ thể, trong hai năm 2022 và 2023, doanh nghiệp chưa phát sinh đầu tư vào TSCĐ, thể hiện qua nguyên giá TSCĐ đầu kỳ và cuối kỳ đều bằng 0. Điều này cho thấy trong giai đoạn đầu hoạt động, doanh nghiệp chủ yếu dựa vào tài sản thuê ngoài hoặc sử dụng tài sản ngắn hạn, chưa có sự đầu tư đáng kể vào cơ sở vật chất, máy móc, trang thiết bị hay nhà xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh. Sang năm 2024, doanh nghiệp bắt đầu có sự chuyển biến tích cực khi tiến hành đầu tư vào TSCĐ, với nguyên giá đầu kỳ đạt 48,636,364 đồng và nguyên giá cuối kỳ đạt 548,636,364 đồng, dẫn đến nguyên giá bình quân TSCĐ trong năm là 298.636.364 đồng. Việc tăng đầu tư vào tài sản cố định cho thấy doanh nghiệp đã bắt đầu chú trọng đến việc xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư dài hạn, hướng đến sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất – kinh doanh.



Sơ đồ 15: Sơ đồ biểu hiện sử dụng TSCĐ của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon
(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

Bảng 2.16: Hiệu quả sử dụng tổng tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Doanh thu thuần	3,435,758,416	2,945,477,000	1,860,105,444
2. Tổng nguyên giá tổng tài sản đầu kỳ	-	-	48,636,364
3. Tổng nguyên giá tổng tài sản cuối kỳ	-	-	548,636,364
4. Nguyên giá bình quân tổng tài sản	-	-	298,636,364
5. Hiệu quả sử dụng tổng tài sản	-	-	6.23

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Dữ liệu cho thấy chỉ có số liệu năm 2024, nhưng nếu xét xu hướng chung từ các bảng trước, tài sản cố định tăng từ 48,6 triệu lên 548,6 triệu đồng (gấp hơn 11 lần). Mặc dù vậy, doanh thu lại giảm hơn 1 tỷ đồng so với năm 2023 → cho thấy mức đầu tư tài sản tăng nhưng doanh thu không tăng tương ứng. Năm 2024, hiệu quả sử dụng tổng tài sản của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon đạt 6,23 lần, cho thấy khả năng tạo doanh thu từ tài sản khá tốt. Tuy nhiên, sự sụt giảm doanh thu qua các năm cảnh báo rằng tăng trưởng chưa bền vững, và hiệu quả cao có thể chỉ mang tính tương đối do quy mô tài sản nhỏ.

2.4.5. Cơ cấu vốn

Thông qua việc phân tích các chỉ tiêu dưới đây sẽ thấy được cơ cấu tài sản và nguồn vốn của công ty có đảm bảo an toàn cho khả năng trả nợ và tốc độ tăng giảm nợ qua các năm như vậy có ảnh hưởng gì đến khả năng huy động vốn trong tương lai của Công ty hay không:

Bảng 2.17: Bảng Phân tích cơ cấu vốn

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Tổng nợ phải trả	5,595,997,138	7,533,944,399	7,317,698,104
2. Tổng nguồn vốn	7,552,678,509	9,523,581,789	9,328,889,623
3. Vốn CSH	1,956,681,371	1,989,637,390	2,011,191,519
4. Hệ số nợ trên tổng tài sản	0.74	0.79	0.78
5. Hệ số nợ trên vốn CSH	2.86	3.79	3.64

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon)

Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả của doanh nghiệp tăng mạnh từ 5.596 tỷ đồng năm 2022 lên 7.534 tỷ đồng năm 2023, tăng khoảng 34,6%. Đây là mức tăng tương đối lớn, cho thấy Công ty phải mở rộng vay nợ để tài trợ các dự án hoặc bù đắp thiếu hụt vốn lưu động.

Sang năm 2024, tổng nợ giảm nhẹ còn 7.318 tỷ đồng, phản ánh doanh nghiệp đã thu hồi một phần nghĩa vụ hoặc giảm nhu cầu vay nợ trong bối cảnh doanh thu suy giảm.

Dù giảm nhưng mức nợ vẫn duy trì ở mức cao, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn.

Vốn chủ sở hữu

Trong 3 năm từ năm 2022 – 2024, vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 1.956 tỷ lên 2.011 tỷ đồng trong ba năm. Tốc độ tăng chậm, chỉ khoảng 2–3%/năm. Điều này cho thấy, khả năng tăng vốn chủ sở hữu còn hạn chế, vốn chủ sở hữu tăng chậm so với tốc độ tăng nợ → mức độ tự chủ tài chính giảm.

Tổng nguồn vốn

Trong 3 năm từ năm 2022 – 2024 tổng nguồn vốn tăng từ 7,552,678,509 đồng lên 9,328,889,623 đồng, tổng nguồn vốn liên tục được mở rộng, tạo điều kiện thực hiện các dự án lớn. Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ, phản ánh doanh nghiệp không bị thâm hụt vốn chủ. Tuy nhiên, tổng nguồn vốn vẫn phụ thuộc quá lớn vào nợ vay (hệ số nợ/tổng tài sản xấp xỉ 80%). Tính tự chủ tài chính thấp do vốn chủ sở hữu chiếm dưới 25% tổng nguồn vốn. Áp lực đòn bẩy tài chính cao, khiến Công ty dễ gặp khó khăn khi dòng tiền thu về chậm.

Hệ số nợ trên tổng tài sản

Trong giai đoạn 2022–2024, hệ số nợ trên tổng tài sản của doanh nghiệp có sự biến động nhẹ. Cụ thể, năm 2022 hệ số đạt 0.74; năm 2023 tăng lên 0.79 và đến năm 2024 giảm nhẹ còn 0.78. Điều này cho thấy mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp tương đối cao, với phần lớn tài sản được tài trợ bằng nguồn vốn vay. Việc hệ số nợ tăng trong năm 2023 phản ánh xu hướng doanh nghiệp mở rộng quy mô hoạt động hoặc đầu tư thêm, dẫn đến nhu cầu huy động vốn vay tăng. Tuy nhiên, đến năm 2024, hệ số nợ giảm nhẹ cho thấy doanh nghiệp đã có sự điều chỉnh tích cực trong cơ cấu nguồn vốn, giảm dần sự phụ thuộc vào nợ vay, từ đó nâng cao tính tự chủ tài chính.

Nhìn chung, hệ số nợ trên tổng tài sản ở mức 0.74–0.79 là khá cao, thể hiện doanh nghiệp đang chịu áp lực tài chính nhất định và tiềm ẩn rủi ro khi thị trường biến động hoặc lãi suất tăng. Tuy nhiên, xu hướng giảm nhẹ của chỉ tiêu này trong năm 2024 là tín hiệu tích cực, cho thấy doanh nghiệp đang hướng tới cơ cấu tài chính an toàn và bền vững hơn.

Hệ số nợ trên vốn CSH

Qua bảng số liệu giai đoạn 2022–2024, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp có xu hướng biến động tăng rồi giảm nhẹ. Cụ thể, năm 2022 hệ số đạt 2.86 lần, năm 2023 tăng lên 3.79 lần và đến năm 2024 giảm còn 3.64 lần. Điều này cho thấy trong năm 2023, doanh nghiệp đã sử dụng nguồn vốn vay nhiều hơn

so với vốn chủ sở hữu, dẫn đến mức độ rủi ro tài chính tăng. Tuy nhiên, sang năm 2024, hệ số nợ giảm nhẹ thể hiện xu hướng cải thiện cơ cấu tài chính, khi doanh nghiệp dần kiểm soát và giảm bớt sự phụ thuộc vào vốn vay.

Với hệ số nợ dao động từ 2.86 đến 3.79 lần, có thể thấy quy mô nợ của doanh nghiệp cao gấp khoảng 3 lần vốn chủ sở hữu, phản ánh mức độ đòn bẩy tài chính lớn. Điều này giúp doanh nghiệp có thể tận dụng vốn vay để mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, nhưng đồng thời cũng làm tăng rủi ro mất cân đối tài chính nếu khả năng sinh lời hoặc dòng tiền suy giảm.

Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của Công ty trong giai đoạn 2022–2024 được đánh giá là mất cân đối, phụ thuộc nặng vào nợ phải trả, trong khi vốn chủ sở hữu tăng rất chậm. Mặc dù điều này phù hợp phần nào với đặc thù của ngành xây dựng, nhưng mức nợ hiện tại vượt xa ngưỡng an toàn thông thường. Rủi ro tài chính cao, đặc biệt trong bối cảnh doanh thu giảm và dòng tiền không ổn định.

2.5. Các ưu điểm và hạn chế của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

- **Ưu điểm**

Nhân viên luôn vui vẻ và nhiệt tình trong công việc, tinh thần học hỏi và cầu tiến cao. Trình độ nhân sự đại học trở lên chiếm số lượng lớn. Đội ngũ nhân lực chất lượng cao, giàu kinh nghiệm.

Công ty có khách hàng thân thiết lâu năm, luôn có những dự án đấu thầu lớn, tầm cỡ. Chính vì vậy, công ty có thể dễ dàng kiểm soát được tình hình tài chính, đưa ra được các phương án, giải pháp kịp thời, linh hoạt dưới mọi tình huống.

Chất lượng dịch vụ ổn định, ngày càng được công ty chú trọng trong các công trình, tạo được niềm tin cao đối các khách hàng, đối tác.

Các tỷ suất lợi nhuận ROS, ROA và ROE qua 3 năm nhìn chung đều có sự biến động nhưng vẫn đảm bảo dòng vốn kinh doanh được sinh lời, hiệu quả sử dụng vốn được nâng cao.

Công ty có hệ thống máy móc thi công hiện đại, phương pháp thi công tiên tiến, hình thức thanh toán kịp thời và mô hình tổ chức lao động ưu việt nên tiến độ thi công nhanh, mang lại giá trị thặng dư cho chủ đầu tư.

- **Hạn chế**

Xây dựng là một ngành nghề đặc thù cho nên Ngành xây dựng thường ít đầu tư cho marketing hoặc truyền thông. Công ty vẫn chủ yếu marketing theo

phương pháp truyền thống, chủ yếu dựa vào uy tín xây dựng từ chất lượng công trình đã làm.

Tuy công ty có nguồn nhân lực trình độ cao nhưng đi kèm theo đó là chi phí lương khá cao vì hiện tại trên thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao tương đối ít. Chính vì vậy dẫn đến chi phí tăng.

Cơ cấu tài sản chưa hợp lý: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn trong tổng tài sản của Công ty tương đối lớn. Công ty cần cân đối cơ cấu tài sản ngắn hạn và dài hạn trong tổng tài sản một cách hợp lý.

Nguồn vốn của Công ty chủ yếu dựa vào vốn chủ sở hữu được coi là khá an toàn, ổn định nhưng chi phí sử dụng vốn cao do đó mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính thấp.

2.6. Những nguyên nhân dẫn đến những ưu điểm và hạn chế của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong nước cũng như các đối thủ có tiềm lực kinh tế mạnh từ nước ngoài: Vinaconex, Sông Đà...

Rủi ro dòng tiền ở sự chênh lệch giữa tiền vào và tiền ra của công ty tại những thời điểm khác nhau trong suốt thời gian thi công. Nhiều trường hợp công ty phải ứng tiền trước cho nhà cung cấp rồi mới nhận được tạm ứng của chủ đầu tư.

Công ty chưa có bộ phận, phòng ban riêng để làm công tác phân tích tình hình tài chính của công ty, chưa chú trọng đến phân tích các báo cáo tài chính, chưa thấy rõ tầm quan trọng, vị trí của chúng trong hoạt động của doanh nghiệp.

Phân tích tài chính hoàn toàn trọng phạm vi nội bộ và mang tính chủ quan chưa có sự liên hệ, so sánh với các doanh nghiệp trong và ngoài ngành, không xác định được tình hình thực tế tại công ty. Ngoài ra, công ty cũng chưa đánh giá được ảnh hưởng của các nhân tố khách quan đến sự thay đổi chi tiết tài chính và độ lớn của các tỷ số tài chính của công ty như tình trạng lạm phát hay giảm phát của nền kinh tế.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM CẢI THIỆN TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HEZCON

3.1. Định hướng, mục tiêu phát triển của Công ty trong thời gian tới

Công ty đã từng bước xây dựng uy tín, thương hiệu trong lĩnh vực xây dựng. Bên cạnh đó tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chế độ trách nhiệm, ban hành cơ chế điều hành, cơ chế phân phối lợi ích và hoạt động của Công ty ngày càng phát triển.

Trong định hướng phát triển chung của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon các mục tiêu phát triển trong thời gian sắp tới là:

- Tiếp tục phát triển thương hiệu Hezcon, nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường.
- Tổng thầu thi công công trình có giá trị lớn tạo nguồn công việc lâu dài, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định cho Công ty.
- Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho công nhân viên nhằm khuyến khích sự nỗ lực gắn bó lâu dài, đảm bảo sự tăng trưởng ổn định của Công ty.
- Tăng cường công tác quản trị Doanh nghiệp và Quản trị rủi ro.
- Tối đa hóa lợi nhuận, mang lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và đảm bảo đời sống cho công nhân viên chức trong công ty.
- Phát triển công ty song song với việc tích cực hưởng ứng các hoạt động xã hội .

Chiến lược phát triển dài hạn:

- Xác định xây lắp vẫn là lĩnh vực kinh doanh chính, chiếm tỷ chủ yếu trong toàn bộ cơ cấu doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Bên cạnh đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, Công ty cũng nên xem xét hợp tác với các đối tác nước ngoài, các đơn vị có tiềm lực lớn cũng như tiềm năng để cùng hợp tác và phát triển.
- Hướng tới mở rộng phát triển trên thị trường cả nước, đây cũng là định hướng dài hạn của Công ty.

Công ty cần xây dựng chiến lược Marketing hiệu quả, phù hợp. Tiến hành nghiên cứu thị trường để có những chính sách phù hợp, chính xác để tối ưu lợi nhuận, chi phí.

3.2. Một số giải pháp nhằm cải thiện tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon

Qua phân tích các chỉ tiêu tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon, ta thấy được điểm mạnh và điểm yếu của công ty. Trong tình hình kinh tế hiện nay em xin đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và sử dụng nguồn vốn như sau:

3.2.1. Nâng cao khả năng thanh toán

Trong 3 năm liên tiếp 2022 – 2024 hệ số thanh toán giảm liên tục và tương đối nhanh. Năm từ 0.22 (năm 2022) xuống còn 0.11 (năm 2024) điều này cho thấy chu kỳ thu hồi vốn chậm đây cũng là đặc điểm đặc thù của ngành xây dựng,

Nhu cầu tăng vốn và biện pháp tạo nguồn vốn là vấn đề quan trọng đối với bất cứ doanh nghiệp nào vì điều này ảnh hưởng trực tiếp và quyết định đến quy mô hoạt động, quá trình hoạt động và hiệu quả kinh doanh. Theo bảng 2.4: Hiệu quả sử dụng tài sản cố định ta thấy năm 2024 cứ 100 đồng tài sản thì nợ ngắn hạn lên tới hơn 78 đồng, vốn CSH là 21 đồng. Phân tích tình hình tài chính cho thấy cơ cấu nguồn vốn công ty chủ yếu là vốn vay ngắn hạn. Một số giải pháp để tăng cường nguồn vốn cho công ty, sử dụng đòn bẩy tài chính:

- Thu hút các nhà đầu tư bằng cách phát triển mọi mặt, đổi mới phương thức quản lý, củng cố thêm sự uy tín đối với khách hàng và đối tác.
- Gia tăng chiếm dụng vốn một cách hợp lý nhưng vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán bằng cách: Bộ phận mua hàng tích cực đàm phán với các bên cung ứng, thỏa thuận về các điều khoản mua hàng để hưởng chính sách trả chậm. Ngoài ra công ty cần tận dụng tối đa thời hạn thiếu chịu, nên để đến ngày gần hết thời hạn hóa đơn mới thanh toán.

Nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng: hiện nay doanh nghiệp vẫn khá hạn chế trong việc đi vay các tổ chức tín dụng, nguyên nhân do lạm phát tăng cao khiến cho lãi suất ngân hàng tăng.

Bên cạnh đó tài sản cố định của công ty chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ chiếm 6% trong tổng tài sản (theo Bảng 2.4: Bảng phân tích Cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024). Điều này khiến cho việc tiếp cận các nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng của công ty còn hạn chế. Công ty nên giảm nợ ngắn hạn, thay vào đó là nguồn vốn chủ sở hữu. Để huy động được nguồn vốn nhằm đáp ứng được nhu cầu vốn của công ty, biện pháp quan trọng nhất là phải tính toán, lựa chọn, thiết lập được các phương án kinh doanh cũng như các phương

án đầu tư có tính khả thi cao. Đồng thời phải lựa chọn được cơ cấu nguồn vốn hợp lý sao cho công ty vừa đảm bảo được chi phí cộng thêm lãi suất ngân hàng mà vẫn có lãi.

Việc áp dụng đồng bộ các biện pháp nhằm nâng cao khả năng thanh toán và hoàn thiện cơ cấu nguồn vốn có vai trò đặc biệt quan trọng đối với Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon. Trong bối cảnh hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán hiện hành giảm mạnh qua ba năm liên tiếp (2022–2024), cùng với tỷ trọng nợ ngắn hạn chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn, doanh nghiệp cần triển khai các giải pháp tài chính mang tính chiến lược để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững. Nếu các giải pháp đã đề xuất được thực thi hiệu quả, tình hình tài chính của công ty có thể đạt được một số kết quả tích cực như sau:

- Cải thiện rõ rệt khả năng thanh toán và rủi ro tài chính: Hệ số thanh toán hiện hành cũng có thể tăng lên mức 0,40 – 0,50, cho phép doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro mất khả năng thanh toán và tạo nền tảng an toàn trong ngắn hạn.
- Rút ngắn chu kỳ thu hồi vốn và nâng cao hiệu quả quản trị công nợ: Nếu các biện pháp này được áp dụng hiệu quả, kỳ thu tiền bình quân ,vốn đã tăng từ 132,76 ngày năm 2023 lên 160,26 ngày năm 2024 – có thể giảm xuống còn 120–130 ngày. Việc rút ngắn vòng quay các khoản phải thu sẽ giúp dòng tiền hoạt động trở nên ổn định, hạn chế việc bị chiếm dụng vốn kéo dài, từ đó giảm gánh nặng vay ngắn hạn.
- Giảm chi phí tài chính và cải thiện lợi nhuận: Cơ cấu nguồn vốn an toàn hơn sẽ góp phần giảm đáng kể chi phí lãi vay – một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong những năm gần đây. Khi doanh nghiệp hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính ngắn hạn và đồng thời tối ưu dòng tiền hoạt động, chi phí lãi vay có thể giảm từ 10–20% so với năm 2024, tùy thuộc vào mức độ điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn. Việc tiết kiệm chi phí tài chính không chỉ giúp tăng lợi nhuận trước thuế mà còn cải thiện các chỉ tiêu hiệu quả như ROE và ROA. Dự kiến ROE có thể tăng thêm 1,5 – 3 điểm phần trăm, phản ánh sự cải thiện trong hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu.

3.2.2. Nâng cao khả năng quản lý tài sản

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định:

Tài sản cố định của công ty hiện nay chiếm một tỷ lệ nhỏ trong tổng tài sản, tài sản cố định của công ty chỉ chiếm 6% trong tổng tài sản (theo Bảng 2.4: Bảng phân tích Cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024). Điều này sẽ làm đòn bẩy tài chính cho doanh nghiệp, nhưng trong dài hạn sẽ tiềm ẩn rủi ro về tài chính. Chính vì vậy công ty nên xem xét các giải pháp sau:

- Công ty cần có kế hoạch đầu tư mới và sử dụng tài sản cố định hợp lý, dựa vào nhu cầu, công dụng, tuổi thọ của tài sản nhằm tận dụng khai thác hết khả năng của tài sản cố định.
- Với những tài sản hỏng không tiếp tục sử dụng được nữa, việc sửa chữa tốn kém, không hiệu quả hoặc tài sản còn sử dụng được nhưng không còn nhu cầu sử dụng trong thời gian dài thì nên tiến hành thanh lý, nhượng bán ngay nhằm thu hồi vốn cố định có hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản lý và bảo dưỡng số tài sản cố định hiện có ở công ty; ban giao quản lý cụ thể cho các nhân sự.

Đối với Công ty sau khi cải thiện được sẽ tăng khả năng tiếp cận vốn của các quỹ tín dụng: Khi tình hình tài chính trở nên lành mạnh hơn, khả năng tiếp cận vốn vay trung và dài hạn từ các tổ chức tín dụng sẽ được cải thiện đáng kể. Mặc dù hiện tại doanh nghiệp còn hạn chế trong việc vay ngân hàng.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản ngắn hạn:

Theo Bảng 2.4: Bảng phân tích Cơ cấu nguồn vốn của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon năm 2022 – 2024, ta thấy năm 2022, tổng tài sản của Công ty hiện đang quản lý và xử dụng là 7.552.678.509 đồng. Nhưng sang tới năm 2023 và 2024 ta có thể thấy tổng tài sản tăng đáng kể lần lượt là 9.109.547.293 đồng và 9.328.889.623 đồng. Trong đó tài sản ngắn hạn năm 2022 chiếm tới 100%, tài sản dài hạn chiếm 0%, so với năm 2023 và năm 2024 với sự thay đổi nhẹ tài sản ngắn hạn đã giảm xuống còn 99% và 94% (tài sản dài hạn tăng lên 1% và 6%).

Quản lý khoản phải thu: Đây là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng tài sản của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon. Để làm được điều này, công ty cần phải có đội ngũ làm công việc phân tích thị trường, khai thác được những thông tin chính xác nhất về khách hàng (nhất là nguồn vốn của dự án), để từ đó có những chính sách phù hợp, có lợi cho Công ty. Đồng thời phải thường xuyên kiểm tra, tiến hành rà soát, phân loại các khoản thu đến hạn, tới hạn và quá hạn.

Công ty cũng cần phải có thư gửi, điện thoại thường xuyên để đốc thúc khách hàng thanh toán nợ cho Công ty. Để giảm bớt lượng vốn bị chiếm dụng, gia tăng vòng quay khoản phải thu, Công ty cần phải tiến hành các công việc sau:

- Phòng kinh doanh: Lập bảng theo dõi và phân loại những khách hàng truyền thống về khả năng chi trả, đồng thời phải tìm hiểu khả năng của khách hàng mới để có chính sách bán hàng tín dụng phù hợp.

- Phòng kế toán: Theo dõi chặt chẽ và lên kế hoạch thu hồi các khoản nợ đến hạn theo từng đối tượng và các khoản nợ cụ thể.

- Doanh nghiệp cần quy định chi tiết: Thời gian trả nợ, trả tiền mặt chiết khấu khách hàng được hưởng khi thanh toán nợ đúng hạn, tiền phạt khi khách hàng quá hạn mà không thanh toán. Tuy nhiên, trong kinh doanh nếu chính sách của Công ty đưa ra quá cứng nhắc, chặt chẽ sẽ làm ảnh hưởng đến mối quan hệ với khách hàng. Do đó Công ty nên cân nhắc tới từng trường hợp cụ thể để đưa ra phương án xử lý phù hợp.

Từ những phân tích trên, có thể nhận định rằng việc tăng cường quản lý khoản phải thu sẽ mang lại những tác động tích cực và toàn diện tới tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon. Cụ thể:

- Giảm tỷ trọng khoản phải thu trong tổng tài sản: Việc tăng cường kiểm soát công nợ giúp Công ty thu hồi nhanh hơn các khoản phải thu trước đây bị chiếm dụng quá lâu. Phòng kinh doanh và phòng kế toán đã phối hợp chặt chẽ trong việc lập danh sách khách hàng truyền thống, phân loại khách hàng mới và xây dựng chính sách bán hàng tín dụng phù hợp. Điều này giúp hạn chế phát sinh khoản phải thu rủi ro. Tỷ trọng khoản phải thu trong tài sản ngắn hạn có thể giảm từ 2–5% trong năm tới. Tài sản ngắn hạn sẽ được tái phân bổ theo hướng tăng lượng tiền và các khoản tương đương tiền.

- Cải thiện khả năng thanh toán và an toàn tài chính: Khi khoản phải thu được thu hồi nhanh và hiệu quả hơn, các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty sẽ cải thiện rõ rệt. Lượng tiền mặt tăng lên giúp Công ty chủ động thanh toán các khoản nợ đến hạn, giảm nguy cơ mất cân đối tài chính. Hệ số thanh toán nhanh có thể tăng 0,1 – 0,25 lần. Khả năng thanh toán hiện hành cải thiện do tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao hơn.

- Tăng hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận: Một trong những tác động quan trọng của việc cải thiện quản lý khoản phải thu là giảm chi phí lãi vay, vốn là khoản chi tương đối lớn trong các doanh nghiệp xây dựng. Khi dòng tiền

được khơi thông, Công ty có thể chủ động tài trợ cho các hoạt động sản xuất, đấu thầu và triển khai dự án. Lợi nhuận trước thuế có thể tăng từ 5%–12% so với năm 2024. Doanh thu dự kiến tăng nhẹ nhờ khả năng triển khai nhiều dự án hơn khi dòng tiền ổn định.

3.2.3. Nâng cao khả năng sinh lời

Tăng doanh thu:

Doanh thu của Công ty chịu tác động của nhiều nhân tố như: khối lượng, chất lượng các công trình được nghiệm thu thanh toán... Để tăng doanh thu, Công ty cần thực hiện một số biện pháp sau

- Nâng cao chất lượng thi công các công trình, hoàn thành công trình đúng tiến độ qua đó tạo lập quy trình doanh nghiệp. Giúp cho doanh nghiệp đấu thầu xây dựng được nhiều công trình.
- Mở rộng thị trường ra toàn miền Bắc, tạo tiền đề để mở rộng thị phần trên cả nước.

Giảm chi phí

Quản lý giá vật tư đầu vào và định mức tiêu hao vật tư: Công ty cần phải quản lý chặt chẽ giá mua vật tư ở các khâu, theo dõi một cách đầy đủ, thường xuyên các quy trình xuất – nhập kho vật tư. Tiến hành đánh giá, xem xét, so sánh giá mua cũng như chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào giữa các đơn vị cung ứng để lựa chọn ra nhà cung ứng phù hợp nhất.

Quản lý chặt chẽ tiền lương và khoản có tính chất lương: Công ty cần xây dựng chính sách tiền lương theo hướng tiền lương – thưởng của người lao động phải gắn liền với hiệu quả sản xuất – kinh doanh của Công ty và gắn với năng suất lao động, trách nhiệm vật chất của mỗi người. Điều này sẽ góp phần vừa quản lý tốt chi phí sản xuất, vừa tạo điều kiện khuyến khích người lao động làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất – kinh doanh.

Quản lý các khoản chi phí bằng tiền khác: Công ty cần đưa ra các định mức chi phí hợp lý và xem xét tính hợp lệ của các khoản chi, xem nó có gắn bó với hiệu quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty hay không, để từ đó các bộ phận có liên quan có trách nhiệm cân nhắc các khoản chi phí thích hợp. Định kỳ Công ty nên tổ chức phân tích chi phí sản xuất, tính giá sản phẩm nhằm phát hiện ra những khâu yếu kém trong quản lý chi phí, làm tăng chi phí để từ đó có các biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời.

3.2.4. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý tài chính tại Công ty

Nâng cao năng lực và trình độ cho cán bộ quản lý nói chung và cán bộ tài chính nói riêng nhằm nâng cao năng lực phân tích báo cáo tài chính từ đó kiểm soát được ngân sách của doanh nghiệp, nắm rõ tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm nhận diện ra được những điểm mạnh, điểm yếu để điều chỉnh, hoạt định kế hoạch trong tương lai. Để có thể nâng cao chất lượng của công tác phân tích tài chính thì việc chuyên môn hóa công tác phân tích tài chính là việc quan trọng. Công ty cần đặt ra mục tiêu cụ thể cho việc phân tích tài chính, việc này phải thực sự có ích cho Công ty, chứ không nên phân tích chung chung hoặc phân tích không đúng trọng tâm. Báo cáo phân tích phải thực sự chi tiết, khẳng định được Công ty đang đối mặt với hoàn cảnh nào, ... Công ty cần tuyển thêm nhân viên trẻ tuổi, vì trong công ty hiện tại các cán bộ công nhân viên đa số là người lớn tuổi và số lượng nhân viên còn ít. Do đó cần tuyển thêm những nhân viên trẻ tuổi nhưng đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, tin học. Bởi những người này có khả năng học hỏi và có thể nắm bắt được các thông tin nhanh hơn, làm việc nhanh gọn... giúp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

KẾT LUẬN

Cũng như bất kỳ công ty nào, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng Hezcon là một trong những vấn đề được quan tâm hàng đầu của HĐQT, ban lãnh đạo của công ty. Tình hình tài chính, quy mô tài sản nguồn vốn hiện hữu qua quá trình sản xuất kinh doanh và khả năng sinh lời cũng như tình hình công nợ và khả năng thanh toán của công ty đã có sự tăng trưởng song bên cạnh đó vẫn còn những vấn đề tồn đọng cần phải khắc phục để từng bước đứng vững trên thị trường vì vậy, em xin đưa ra những ý kiến, đề xuất của mình hy vọng góp phần vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần xây dựng Hezcon.

Như vậy, đề tài khóa luận “Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Hezcon” đã hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu đề ra, đồng thời góp phần bổ sung cả về cơ sở lý luận lẫn thực tiễn trong lĩnh vực quản trị tài chính doanh nghiệp xây dựng. Trên cơ sở vận dụng phương pháp thu thập dữ liệu, phân tích số liệu, so sánh qua các năm và kết hợp lý thuyết quản trị công nợ, khóa luận em đã hoàn thành các mục tiêu sau:

Thứ nhất, khóa luận đã hệ thống hóa một cách đầy đủ, khoa học cơ sở lý luận về quản lý tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là quản lý khoản phải thu trong các doanh nghiệp xây dựng. Những vấn đề lý luận quan trọng đã được trình bày rõ ràng, bao gồm: khái niệm tài sản, cơ cấu tài sản, vai trò của khoản phải thu, các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán, vòng quay công nợ, rủi ro tín dụng thương mại và tác động của khoản phải thu đối với dòng tiền của doanh nghiệp. Đồng thời, khóa luận cũng làm rõ đặc thù hoạt động của ngành xây dựng – một lĩnh vực có thời gian thi công kéo dài, quá trình nghiệm thu phức tạp và mức độ chiếm dụng vốn cao – qua đó củng cố cơ sở lý luận cho phần phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp.

Thứ hai, khóa luận đã phân tích toàn diện thực trạng tài chính và tình hình quản lý khoản phải thu của Công ty cổ phần xây dựng Hezcon giai đoạn 2022 – 2024. Thông qua hệ thống các chỉ tiêu tài chính như cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, hệ số thanh toán, vòng quay khoản phải thu, kỳ thu tiền bình quân, hiệu quả sử dụng tài sản..., khóa luận đã chỉ ra được bức tranh tổng quan về hiệu quả hoạt động của Công ty trong ba năm liên tiếp. Công ty có sự tăng trưởng về tổng tài sản, tuy nhiên cơ cấu tài sản cho thấy tỷ trọng tài sản ngắn hạn (đặc biệt là khoản phải thu khách hàng) chiếm tỷ lệ rất cao, gây áp lực lên dòng tiền và làm giảm

khả năng thanh khoản. Phân tích đã làm rõ những hạn chế chủ yếu như: công tác thu hồi công nợ chưa thực sự hiệu quả, chưa có cơ chế phân loại khách hàng rõ ràng, chính sách bán hàng tín dụng còn mang tính rủi ro, và việc theo dõi công nợ chưa được thực hiện đồng bộ giữa các phòng ban.

Thứ ba, trên cơ sở đánh giá những tồn tại và nguyên nhân, khóa luận đã đề xuất một hệ thống giải pháp mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả quản lý khoản phải thu của Công ty. Các giải pháp tập trung vào ba nhóm chính:

- Giải pháp về quản lý khách hàng và chính sách tín dụng thương mại, bao gồm phân loại khách hàng theo rủi ro, thiết lập hạn mức tín dụng, áp dụng chiết khấu thanh toán đúng hạn và quy định rõ các điều khoản thanh toán trong hợp đồng;
- Giải pháp về công tác thu hồi công nợ, như tăng cường công tác nhắc nợ, lập lịch thu nợ chi tiết, phối hợp chặt chẽ giữa phòng kinh doanh và phòng kế toán, và áp dụng biện pháp mạnh đối với công nợ kéo dài;

- Giải pháp hỗ trợ tài chính và quản trị dòng tiền, như xây dựng kế hoạch dòng tiền, tăng dự phòng rủi ro nợ xấu và mở rộng nguồn vốn quay vòng để tránh bị động trong thanh toán. Các giải pháp được đề xuất phù hợp với thực trạng, có khả năng áp dụng ngay, đồng thời tạo nền tảng cho việc nâng cao hiệu quả tài chính trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh đó, khóa luận còn đưa ra dự báo về tình hình tài chính của Công ty trong năm tới nếu các giải pháp trên được triển khai hiệu quả. Kết quả dự báo cho thấy Công ty có thể giảm tỷ trọng khoản phải thu, cải thiện vòng quay công nợ, tăng khả năng thanh toán và nâng cao lợi nhuận. Điều này cho thấy việc quản lý khoản phải thu không chỉ có ý nghĩa trong ngắn hạn mà còn ảnh hưởng lớn đến sự phát triển bền vững của Công ty trong dài hạn.

Trong thời gian nghiên cứu vừa qua với sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn TS Nguyễn Thị Hoàng Đan và toàn thể anh chị em trong Công ty Cổ phần xây dựng Hezcon nói chung và nhân viên phòng Tài chính - kế toán nói riêng đã giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này. Do thời gian nghiên cứu ngắn, cũng như kiến thức bản thân còn hạn chế, nên em cũng chưa thể có được những nhận xét sâu sắc, những đánh giá thực sự sắc sảo về vấn đề đã nêu ra trong luận văn và không tránh khỏi những thiếu sót. Vì thế em rất mong nhận được sự đánh giá góp ý và sửa chữa của thầy, cô để giúp cho luận văn của em được hoàn thiện, mang tính thực tế và khả thi cao hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty CP xây dựng Hezcon (năm 2025). Hồ sơ năng lực (lưu hành nội bộ).
2. Công ty CP xây dựng Hezcon (năm 2022). Báo cáo tài chính năm 2022 (lưu hành nội bộ).
3. Công ty CP xây dựng Hezcon (năm 2023). Báo cáo tài chính năm 2023 (lưu hành nội bộ).
4. Công ty CP xây dựng Hezcon (năm 2024). Báo cáo tài chính năm 2024 (lưu hành nội bộ).
5. ThS. Nguyễn Bích Công Dung (2024). Luận văn Phân tích tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH TM – DV Trường Thái Hòa (tham khảo trên Internet)
6. GVC. Nguyễn Thị My, TS Phan Đức Dũng, giảng viên Đại học Quốc Gia Hồ Chí Minh (2008), Phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Thống Kê.
7. Nguyễn Thị Lương (2008), Quản trị tài chính, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
8. Nguyễn Tấn Bình (2008), Phân tích hoạt động kinh doanh, Nhà xuất bản Thống Kê.